NAM MÔ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

----------o0o----------



KINH PHÁP BẢO ĐÀN

LỤC TỔ HUỆ NĂNG
DỊCH VÀ LƯỢC GIẢI TỲ KHEO THÍCH DUY LỰC

HÀ NỘI – PL 2555 - DL 8/2011

MỤC LỤC

PHÁP BẢO ĐÀN KINH

Lục Tổ Huệ Năng

Dịch và Lược Giải Tỳ Kheo Thích Duy Lực

Từ Ân Thiền Đường, Santa Ana Xuất Bản 1992

--- o0o ---

Lời Dịch Giả

Pháp Bảo Đàn Kinh là một quyển Kinh chuyên hoằng Pháp Đốn Giáo của Thiền Tông, do Lục Tổ Huệ Năng giảng và Ngài Pháp Hải ghi lại, nay đã dịch sang nhiều thứ tiếng và đã phổ biến trên thế giới.

Lục Tổ là người không biết chữ nhưng nói ra lời nào cũng đúng ý Phật. Tổ nói: Diệu lý của chư Phật chẳng dính dáng với văn tự. Như vậy người đọc nên được ý quên lời, chớ nên chấp lời nghịch ý. Như Lục Tổ nói: Nay ta gượng nói ra, khiến ông bỏ tà kiến, chớ hiểu theo lời nói, mới cho biết ít phần.

Chớ hiểu theo lời nói là chớ chấp lời mà nghịch ý; mới cho biết ít phần là được ý mà quên lời, nói được ý là phải đốn ngộ ý của Tổ, cũng là ý của Phật vậy. Phật nói: Sự suy lường phân biệt chẳng thể hiểu được pháp này. Hễ nói đã chứng thì chẳng thể tỏ rõ cho người biết, nếu nói chẳng chứng thì thuyết lý chẳng thể liễu triệt, nên pháp đốn giáo này chẳng phải muốn người hiểu theo lời, cần phải tự tin, tự tu, tự chứng, tự ngộ mới được. Nếu chỉ dùng miệng luận bàn, dùng tâm suy lường là trái với ý Tổ. Phật có nói: Như Lai dùng tất cả thí dụ để diễn đạt mọi việc thì được; nhưng chẳng thí dụ nào có thể diễn đạt pháp này. Tại sao vậy? Vì tự tánh bất khả tư nghì, tâm trí chẳng đến được. Vậy phải tin rằng: miệng luận bàn, tâm suy lường là việc chướng đạo vậy.

Đối với pháp thế gian thì dùng miệng luận bàn, dùng tâm suy lường có thể thấu hiểu được; với pháp xuất thế gian dùng miệng luận bàn, dùng tâm suy lường lại càng xa với Đạo. Cổ Đức nói: Đối với việc này, có tâm chẳng thể cầu, vô tâm chẳng thể đắc, ngôn ngữ chẳng thể thông đạt, im lặng chẳng thể thấu suốt. Quyển Kinh này, mỗi phẩm đều có tỏ bày ý chỉ như thế, xin độc giả tự xét kỹ xem! Nói tóm lại, PHÁP ĐỐN GIÁO này là khai thị cho người học Đạo để y theo CHÁNH PHÁP tu hành cho đến đốn ngộ mà thôi.

Thích Duy Lực

PHÁP BẢO ĐÀN KINH

Lục Tổ Huệ Năng

Dịch và Lược Giải Tỳ Kheo Thích Duy Lực

--- o0o ---

Phẩm Tựa Thứ Nhất

Khi Sư đến chùa Bảo Lâm, có châu trưởng Thiều Châu tên là Vi Cứ và các quan chức vào núi thỉnh Sư ra chùa Đại Phạn ở trong thành vì tứ chúng khai duyên thuyết pháp. Sư thăng toà, Vi Thứ Sử (châu trưởng) và các quan chức hơn ba chục người, học sĩ nhà nho hơn ba mươi người, Tăng Ni cư sĩ hơn ngàn người, đồng thời đảnh lễ xin nghe Pháp Yếu.

Sư nói: Thiện tri thức, tự tánh của Bồ Đề vốn thanh tịnh, chỉ dụng tâm này trực liễu thành Phật. Thiện tri thức, hãy nghe việc đắc Pháp và sự việc của Huệ Năng. Huệ Năng quê quán ở Phạm Dương, cha bị giáng chức đến Lãnh Nam, lưu lạc làm dân Tân Châu. Thân thế chẳng may cha lại mất sớm, mẹ là goá phụ, nhà ở Nam Lộ, nghèo khổ phải đi bán củi ngoài chợ. Lúc ấy có vị khách mua củi nhờ mang đến nhà, Huệ Năng được tiền đi ra, gặp một vị khách đang tụng Kinh, Huệ Năng nghe được lời Kinh tâm liền khai ngộ, bèn hỏi khách tụng Kinh gì? Khách nói là Kinh Kim Cang.

Hỏi: Ở đâu có Kinh Điển này?

Khách nói: Tôi từ Chùa Đông Thiền, huyện Huỳnh Mai Kỳ Châu đến. Chùa ấy do Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn Đại Sư chủ hoá, môn đồ hơn ngàn người, tôi đến đó lễ bái lãnh thọ Kinh này. Ngũ Tổ thường khuyên Tăng tục trì Kinh Kim Cang thì được kiến tánh, trực liễu thành Phật.

Huệ Năng nghe nói, lại cũng vì xưa kia có duyên, nên được một người khách cho mười lượng bạc để cho mẹ già được sinh sống và bảo đi ngay đến Huỳnh Mai tham lễ

Ngũ Tổ. Huệ Năng sắp xếp cho mẹ xong, liền từ giã lên đường. Trải qua hơn ba mươi ngày đường, đến huyện Huỳnh Mai lễ bái Ngũ Tổ.

Tổ hỏi: Ông là người phương nào, muốn cầu việc gì? Huệ Năng nói: Đệ tử là dân Tân Châu Lãnh Nam, từ xa đến lễ bái, chỉ cầu làm Phật, chẳng cầu việc gì khác.

Tổ nói: Ông là người Lãnh Nam, cũng là người kém văn hoá, làm sao có thể làm Phật được?

Huệ Năng nói: Người có Nam Bắc, Phật tánh vốn chẳng có Nam Bắc, thân hèn hạ này với thân Hoà Thượng chẳng đồng, nhưng Phật tánh đâu có sai biệt!

Ý Ngũ Tổ còn muốn nói thêm, nhưng thấy đồ chúng đứng xung quanh, nên bảo theo chúng làm việc.

Huệ Năng bạch Hoà Thượng: Tự tâm của đệ tử thường sanh trí huệ chẳng lìa tự tánh, tức là phước điền, chưa rõ Hoà Thượng bảo làm việc gì?

Tổ nói: Tên kém văn hoá này căn khí lanh lợi, ngươi đừng nói nữa, hãy ra nhà sau đi!

Huệ Năng lui đến nhà sau, có một cư sĩ sai Huệ Năng bửa củi giã gạo, trải qua hơn tám tháng. Một ngày kia Tổ thình lình đến gặp Huệ Năng nói:Ta nghĩ cái thấy của ngươi dùng được, vì sợ có kẻ ác hại ngươi, nên chẳng nói chuyện với ngươi, ngươi có biết chăng?

Huệ Năng nói: Đệ tử cũng biết ý của Thầy, nên chẳng dám đi đến nhà trước.

Một ngày kia, Ngũ Tổ triệu tập môn đồ bảo rằng: Sanh tử là việc lớn, các ngươi suốt ngày chỉ cầu phước điền, chẳng cầu lìa khỏi biển khổ sanh tử, tự tánh nếu mê, phước làm sao có thể cứu được? Các ngươi mỗi người hãy tự xem trí huệ, dùng bổn tâm Bát Nhã của tự tánh, mỗi người làm một bài kệ trình cho ta xem, nếu ngộ được đại ý, thì ta sẽ trao truyền y bát cho làm Tổ thứ sáu; hãy mau lên chẳng được chậm trễ, hễ lọt vào suy lường thì chẳng dùng được. Người kiến tánh vừa nghe phải liền thấy, nếu được như vậy thì khi ra trận giữa đao kiếm cũng phải thấy được.

Đại chúng nghe xong nói với nhau rằng: Chúng ta chẳng cần nhọc tâm mệt trí làm kệ, đâu có ích gì, vì có Thượng Tọa Thần Tú hiện làm giáo thọ sư, chắc chắn sẽ được, chúng ta làm kệ chỉ phí sức thôi, chúng ta về sau y chỉ Sư Thần Tú cũng được rồi. Ngài Thần Tú suy nghĩ: Đại chúng chẳng trình kệ, vì ta là giáo thọ sư của họ, ta phải làm kệ trình Hoà Thượng. Nếu chẳng trình kệ thì Hoà Thượng làm sao biết được kiến giải sâu cạn trong tâm ta, ý của ta trình kệ vì cầu Pháp thì tốt, vì mong làm Tổ thì không nên, chẳng khác nào dùng tâm phàm mà đoạt Thánh vị. Nếu chẳng trình kệ thì làm sao đắc Pháp được, thực khó! Thực khó!

Nơi hành lang trước Pháp đường, Ngũ Tổ định mời họa sĩ đến vẽ Biến Tướng Kinh Lăng Già và Ngũ Tổ Huyết Mạch Đồ, để cúng dường và lưu truyền đời sau. Khi Thần Tú làm kệ xong, mấy lần muốn vào trình, nhưng khi đến trước Pháp đường thì trong tâm bấn loạn, mồ hôi ướt đẫm mình. Như vậy trải qua bốn ngày, mười ba lần muốn vào trình vẫn chưa trình được, sau cùng Thần Tú suy nghĩ: Chi bằng ghi trên vách tường hành lang để Hoà Thượng thấy được; nếu Tổ nói tốt thì ta ra lễ bái nói của Thần Tú làm, nếu nói là chẳng được thì uổng công ta ở núi mấy năm, lại tu Đạo gì mà được nhận lễ bái của người! Nửa đêm đó không cho ai hay, tự cầm đèn viết kệ trên vách hành lang phiá Nam, trình sở thấy của tự tâm, kệ rằng:

Thân thị Bồ Đề thụ,

Tâm như minh cảnh đài,

Thời thời cần phất thức,

Vật sử nhạ trần ai.

Dịch nghiã:

Thân là cây Bồ Đề,

Tâm như đài gương sáng,

Luôn luôn siêng lau chùi,

Chớ cho dính bụi trần.

Thần Tú viết kệ xong, liền về phòng, không ai hay. Tú lại suy nghĩ: Ngày mai, Ngũ Tổ thấy kệ hoan hỷ thì ta có duyên với Pháp, nếu nói không được thì đó là tại ta còn mê, nghiệp chướng xưa nặng nề, chẳng đặng đắc Pháp, Thánh ý thật khó lường! Tú ở trong phòng suy nghĩ, ngồi nằm chẳng yên cho đến gần sáng.

Tổ đã biết Thần Tú chưa được vào cửa, chẳng thấy tự tánh. Trời sáng, Tổ kêu hoạ sĩ đến hành lang để vẽ, thình lình thấy kệ, bèn nói với họa sĩ: Thôi, chẳng cần vẽ nữa, làm lao nhọc cho ông từ xa đến đây.

Kinh nói: Phàm tất cả tướng đều là hư vọng. Nay chỉ cần để bài kệ này cho người trì tụng, y kệ này tu, khỏi đọa ác đạo, y kệ này tu, được ích lợi lớn. Bèn kêu môn đồ đốt nhang kính lễ, bảo cả thảy đều tụng kệ này sẽ được kiến tánh. Môn đồ tụng kệ đều khen: lành thay!

Nửa đêm Tổ kêu Thần Tú vào phòng hỏi: Kệ phải do ông làm chăng? Tú nói: Thiệt là Tú làm, chẳng ham vọng cầu Tổ vị, mong Hoà Thượng từ bi, xem đệ tử có chút ít trí huệ chăng?

Tổ nói: Ông làm kệ này chưa thấy bản tánh, chỉ đến ngoài cửa, chưa vào trong, kiến giải như thế tìm vô thượng bồ đề chẳng thể được. Vô thượng bồ đề phải khi vừa nói liền nhận tự bổn tâm, thấy tự bản tánh, chẳng sanh chẳng diệt, với bất cứ giờ nào, niệm niệm tự thấy, chẳng kẹt vào vạn pháp, nhứt chơn nhứt thiết chơn, vạn cảnh tự như như, cái tâm như như tức là chân thật. Nếu thấy như thế tức là vô thượng bồ đề của tự tánh. Ông tạm đi ra suy nghĩ một vài ngày nữa, làm bài kệ khác cho ta xem, nếu kệ ông vào được cửa, thì ta sẽ truyền trao y pháp.

Thần Tú đảnh lễ lui ra, trải qua mấy ngày sau làm kệ chẳng được, trong tâm rối loạn tâm thần chẳng yên, cũng như trong mộng, đi ngồi chẳng vui.

Qua hai ngày sau, có một đồng tử đi ngang qua phòng giã gạo, xướng tụng bài kệ, Huệ Năng nghe được liền biết kệ này chưa thấy bản tánh, dù chưa được sự dạy bảo của

Tổ, nhưng đã biết được đại ý, bèn hỏi đồng tử rằng: Tụng kệ gì? Đồng tử nói: Kẻ kém văn hoá này chẳng biết, Đại Sư nói: Sanh tử là việc lớn, muốn truyền trao y pháp, nên bảo môn đồ làm kệ trình xem, nếu ngộ đại ý thì sẽ được truyền trao y pháp làm Tổ thứ sáu. Thượng Tọa Thần Tú viết kệ Vô Tướng trên vách tường hành lang. Đại Sư bảo mọi người đều tụng, y kệ này tu khỏi đọa ác đạo, y kệ này tu sẽ được lợi ích lớn.

Huệ Năng nói: Thưa Thượng nhơn, tôi giã gạo ở đây hơn tám tháng, chưa từng đi đến nhà trước, mong Thượng nhơn dẫn tôi đến trước bài kệ lễ bái. Đồng tử liền dẫn đến trước bài kệ, lễ bái xong,

Huệ Năng nói: Huệ Năng chẳng biết chữ, xin Thượng nhơn đọc giùm. Lúc ấy có quan biệt giá Giang Châu là Trương Nhựt Dụng, liền lớn tiếng đọc, Huệ Năng nghe xong bèn nói: Tôi cũng có một bài kệ, xin Biệt Giá viết giùm. Biệt Giá nói: Ông cũng làm kệ à, việc này hi hữu!" Huệ Năng nói với Biệt Giá rằng: Muốn học Vô Thượng Bồ Đề, chẳng nên khinh bỉ kẻ sơ học, hạ hạ nhơn hữu thượng thượng trí, thượng thượng nhơn hữu một (chìm mất) ý trí. Biệt Giá nói: Ông hãy tụng kệ đi, ta viết giùm cho. Ông nếu đắc pháp phải độ ta trước, về sau chớ quên lời này.

Huệ Năng kệ rằng:

Bồ đề bổn vô thụ,

Minh cảnh diệc phi đài.

Bổn lai vô nhất vật,

Hà xứ nhạ trần ai?

Dịch nghiã:

Bồ đề vốn chẳng cây,

Gương sáng cũng chẳng đài,

Xưa nay không một vật,

Nơi nào dính bụi trần?

Kệ viết xong, đồ chúng đều ngạc nhiên tán thán với nhau: Lạ thay, chẳng nên theo tướng mạo mà đánh giá người, không ngờ nay có nhục thân Bồ Tát mà chẳng biết!

Tổ thấy đại chúng kinh quái, sợ người ám hại, nên lấy giày bôi bài kệ, nói rằng: Cũng chưa thấy tánh. Mọi người cho là phải. Hôm sau Tổ lén đến nhà giã gạo, thấy Huệ Năng lưng đeo đá giã gạo, nói rằng: Người cầu Đạo cần phải như thế. Lại hỏi: Gạo trắng chưa? Huệ Năng đáp: Trắng đã lâu, còn thiếu giần sàng thôi. Tổ lấy gậy gõ trên cối ba cái rồi bỏ đi. Huệ Năng hiểu ý Tổ, nên canh ba vào thất. Tổ dùng Ca sa che lại không cho người thấy, rồi thuyết Kinh Kim Cang, đến câu: Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm thì Huệ Năng ngay đó đại ngộ tất cả vạn pháp chẳng lìa tự tánh, bèn bạch Tổ rằng:

Đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh,

Đâu ngờ tự tánh vốn chẳng sanh diệt,

Đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ,

Đâu ngờ tự tánh vốn chẳng lay động,

Đâu ngờ tự tánh hay sanh vạn pháp!

Tổ biết Huệ Năng đã ngộ bản tánh, nên nói với Huệ Năng rằng: Chẳng nhận được bổn tâm, học pháp vô ích, nếu nhận được bổn tâm, thấy được bổn tánh, tức gọi là Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật. Nửa đêm thọ pháp chẳng ai biết, Tổ bèn truyền pháp đốn giáo và y bát nói rằng: Ngươi là Tổ thứ sáu, khéo tự hộ niệm, độ khắp hữu tình, phổ biến lưu truyền cho đời sau, đừng để đoạn dứt.Nghe ta nói kệ đây:

Hữu tình lai hạ chủng,

Nhơn địa quả hườn sanh,

Vô tình diệc vô chủng,

Vô tánh diệc vô sanh.

Dịch nghiã:

Hữu tình được gieo giống,

Nhơn gieo quả ắt sanh,

Vô tình thì vô chủng,

Vô tánh cũng vô sanh.

LƯỢC GIẢI:Sinh vật có hai loại: hữu tình là động vật, vô tình là thực vật. Hữu tình mới được gieo giống Phật, vô tình thì không; có giống là nhơn, ắt sẽ sanh quả. Nhơn địa là hữu tình, quả địa là Phật. Vô tình chẳng phải nhơn địa của Phật nên chẳng phải là giống (vô chủng). Tất cả pháp vốn chẳng có tự tánh, nên nói vô tánh. Vậy thì hữu tình và vô tình, Phật và chúng sanh đều chẳng có tự tánh, cũng là pháp vô sanh vậy. Nên nói: Vô tánh diệc vô sanh. Vì đây là kệ truyền pháp, kệ truyền pháp chẳng được lọt vào tứ cú.

Hỏi: Đã nói không lọt vào tứ cú, tại sao nói vô tánh diệc vô sanh? Như vậy là lọt vào cú thứ nhì rồi?

Đáp: Nói tất cả pháp vốn chẳng tự tánh thì làm sao có vô tánh và vô sanh để làm tự tánh! Hành giả đọc đến chỗ này, chớ nên dùng ý thức để lãnh hội, cho là đúng hay không đúng: Đã nói pháp vô sanh thì làm sao sanh ra pháp đúng và pháp không đúng? Đây là cửa ải của Thiền môn, cần phải thấu qua (tự ngộ) mới được.Kệ này lược giải là để phá chấp, còn muốn hiểu ý Tổ, cần phải tự tham ngộ mới được.

Tổ lại nói: Khi xưa Đạt Ma Đại Sư mới tới xứ này, vì người ta chưa đủ lòng tin, nên mới truyền y bát để làm tín thể (vật làm tin) đời đời truyền nhau thành pháp tắc, lấy tâm truyền tâm đều bảo tự ngộ tự giải, từ xưa Phật Phật chỉ truyền bản thể, Tổ Tổ mật phó bản tâm. Y bát là mối tranh giành, tới đời ngươi phải ngưng truyền. Nếu truyền y bát là việc rất nguy hiểm, ngươi phải đi cho mau, kẻo có người ám hại.

Huệ Năng bạch rằng: Đi xứ nào?

Tổ nói: Gặp Hoài thì ngừng, gặp Hội thì ẩn.

Canh ba lãnh y bát xong, Huệ Năng được Ngũ Tổ đưa đến bến đò Cửu Giang. Xuống thuyền, Huệ Năng giành chèo.

Tổ nói: Đúng ra ta phải độ.

Huệ Năng nói: Khi mê thì Thầy độ, ngộ rồi tự độ." (Độ có hai nghiã: 1-Cứu độ. 2-Đưa đò.) Nói độ là một, nhưng chỗ dùng chẳng đồng. Huệ Năng sanh nơi biên địa nên giọng nói khó nghe. Được Thầy truyền pháp, nay đã được ngộ, chỉ nên tự tánh tự độ vậy.

Tổ nói: Như thế! Như thế! Về sau Phật Pháp do ngươi được thịnh hành, ngươi cứ hướng về phiá Nam mà đi, chẳng nên thuyết pháp sớm, vì Phật Pháp phải tùy duyên.

Huệ Năng từ biệt Tổ, hướng về Nam trải qua hai tháng tới núi Đại Du Lãnh. Ngũ Tổ trở về, mấy ngày chẳng thượng đường, đại chúng nghi ngờ hỏi: Hoà Thượng có bệnh gì chăng? Tổ nói: Bệnh thì không có, nhưng y pháp đã về Nam rồi. Hỏi: Ai được truyền thụ? Đáp: Kẻ nào Năng thì được.

Khi ấy đại chúng mới biết, nên có mấy trăm người đuổi theo để đoạt y bát, trong đó có một Tăng tên tục là Trần Huệ Minh ngày trước làm Tứ Phẩm tướng quân, tánh tình thô bạo, dẫn đầu đi trước, đuổi kịp Huệ Năng. Huệ Năng bỏ y bát trên tảng đá nói rằng: Y bát là vật làm tin, há dùng sức mà đoạt được sao? Liền ẩn mình trong đám cỏ. Huệ Minh đến, muốn lấy y bát mà chẳng nhúc nhích được, liền kêu: Hành giả! Hành giả! Tôi vì Pháp đến, chẳng vì Y đến. Huệ Năng liền ra ngồi trên tảng đá, Huệ Minh đảnh lễ nói rằng: Mong hành giả vì tôi thuyết Pháp. Huệ Năng nói:Ông đã vì Pháp mà đến đây, thì nên ngưng nghỉ các duyên, chớ sanh một niệm, ta sẽ vì ông mà thuyết.

Một hồi sau Huệ Năng nói: Chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác, đang khi ấy cái nào là bổn lai diện mục của Thượng Tọa Minh? Huệ Minh ngay đó đại ngộ, lại hỏi rằng: Ngoài lời mật ý kể trên, còn có ý nào bí mật chăng? Huệ Năng nói: Đã nói với ông thì chẳng phải mật rồi, nếu ông phản chiếu thì mật tại bên ông. Minh nói: Huệ Minh dù ở Huỳnh Mai, thật chưa tỉnh ngộ diện mục của tự kỷ, nay được khai thị, như người uống nước,

lạnh nóng tự biết. Nay hành giả tức là Thầy của Huệ Minh vậy. Huệ Năng nói: Nếu ông như thế, thì ta với ông cùng thờ một Thầy Huỳnh Mai, hãy khéo tự hộ trì.

Huệ Minh lại hỏi: Huệ Minh về sau đi xứ nào? Đáp: Gặp Viên thì ngừng, gặp Mông thì ở.

Minh đảnh lễ giã từ. (Minh trở xuống chân núi, nói với đại chúng rằng: Chẳng thấy dấu vết nào hết, phải đi hướng khác mà tìm. Chúng đều tin. Về sau Huệ Minh đổi tên thành Đạo Minh để tránh sự trùng tên với Thầy).

Huệ Năng đến Tào Khê, bị bọn ác tìm theo, nên phải lánh nạn trong đám thợ săn nơi Tứ Hội, trải qua mười lăm năm, thường vì thợ săn tùy nghi thuyết pháp. Bọn họ bảo giữ lưới, mỗi khi thấy cầm thú lọt vào đều thả ra hết. Tới bữa ăn, gởi rau trong nồi thịt, có người hỏi thì trả lời: Chỉ ăn rau luộc bên cạnh thịt mà thôi.

Một ngày kia nghĩ rằng: Đã đến lúc phải hoằng Pháp, không nên ẩn hoài", liền ra chùa Pháp Tánh Quảng Châu, gặp Ấn Tông Pháp Sư giảng Kinh Niết Bàn. Có hai vị Tăng tranh luận về nghiã gió và lá phướn; kẻ nói gió động, người nói phướn động, tranh cãi không ngừng, Huệ Năng chen vào nói: Chẳng phải gió động, chẳng phải phướn động, mà là tâm các ông động." Cả chúng đều ngạc nhiên. Ấn Tông mời Năng ra ngồi trên Cao Toà, hỏi những nghiã lý thâm sâu, thấy Huệ Năng lời gọn mà đúng lý, chẳng do văn tự.

Ấn Tông nói: Hành giả ắt chẳng phải người thường, lâu nay đã nghe Y Pháp Huỳnh Mai về Nam, có phải là hành giả chăng?

Huệ Năng nói: Không dám."

Ấn Tông liền đảnh lễ, xin thỉnh Y Bát ra cho đại chúng xem.

Ấn Tông hỏi rằng: Sự phó chúc của Huỳnh Mai truyền thọ như thế nào? Huệ Năng nói: Truyền thọ thì không, chỉ cần kiến tánh, chẳng cần thiền định giải thoát.

Ấn Tông hỏi: Tại sao chẳng cần thiền định giải thoát?

Đáp: Vì đó là nhị pháp, chẳng phải Phật Pháp. Phật Pháp là pháp bất nhị.

Ấn Tông lại hỏi: Thế nào là Pháp Bất Nhị của Phật Pháp?

Đáp: Pháp Sư giảng Kinh Niết Bàn, đã rõ Phật tánh là Pháp Bất Nhị của Phật Pháp! Như trong Kinh Niết Bàn nói: Cao Quý Đức Vương Bồ Tát bạch Phật rằng: Phạm tứ trọng cấm (bốn giới trọng nhất trong giới Tỳ kheo, giống như người thế gian phạm tội tử hình), làm tội ngũ nghịch và nhất xiển đề, phải bị đoạn dứt thiện căn Phật tánh không? Phật nói: Thiện căn có hai, một là thường, hai là vô thường, Phật tánh phi thường phi vô thường, nên chẳng đoạn dứt, gọi là bất nhị. Một là thiện, hai là bất thiện, Phật tánh phi thiện, phi bất thiện, gọi là bất nhị. Uẩn và Giới, phàm phu thấy cho là nhị, người trí liễu đạt thì biết tánh ấy bất nhị, tánh bất nhị tức là Phật tánh vậy. Ấn Tông nghe xong hoan hỷ chắp tay rằng: Tôi giảng Kinh như gạch nát ngói bể, ông giảng nghiã cũng như vàng ròng. Do đó, vì Huệ Năng xuống tóc, nguyện thờ làm Thầy.

Huệ Năng bèn ở nơi gốc cây Bồ Đề khai giảng Pháp môn Đông Sơn (Ngũ Tổ): Huệ Năng đắc pháp nơi Đông Sơn, chịu nhiều cay đắng, gặp nhiều nguy hiểm, tánh mạng tựa như chỉ mành, hôm nay được cùng các quan, các Tăng Ni đạo tục đồng tụ tại hội này, là do quá khứ nhiều kiếp cúng dường chư Phật, cùng gieo thiện căn mới được nghe cái nhơn đắc pháp và Pháp Đốn Giáo kể trên. Giáo Pháp là do bậc Thánh xưa truyền lại, chẳng phải tự trí của Huệ Năng. Người muốn nghe Giáo Pháp của bậc Thánh xưa, phải làm cho tâm thanh tịnh (trong sạch), nghe rồi phải tự đoạn trừ nguồn gốc nghi ngờ giống như các bậc Thánh xưa chẳng có khác biệt. Đại chúng nghe pháp xong hoan hỷ đảnh lễ lui ra.

PHÁP BẢO ĐÀN KINH

Lục Tổ Huệ Năng

Dịch và Lược Giải Tỳ Kheo Thích Duy Lực

--- o0o ---

Phẩm Bát Nhã Thứ Hai

Qua ngày sau, Vi Sử Quân lại xin giảng nữa, Sư thăng toà bảo đại chúng rằng: Cần phải tĩnh tâm niệm Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa. Lại nói: Thiện tri thức, trí bồ đề Bát Nhã của chúng sanh vốn tự có, chỉ vì tâm mê chẳng thể tự ngộ, phải nhờ đại thiện tri thức khai thị dẫn dắt để đi đến kiến tánh. Phải biết Phật tánh của kẻ ngu người trí vốn chẳng sai biệt, chỉ vì mê ngộ chẳng đồng, nên mới có kẻ ngu người trí. Nay ta thuyết Pháp Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật, khiến cho mọi người đều được trí huệ, hãy chú tâm nghe: Thiện tri thức, người đời suốt ngày miệng niệm BÁT NHÃ, chẳng nhận được TỰ TÁNH BÁT NHÃ, cũng như nói ăn mà chẳng no, miệng chỉ thuyết KHÔNG, muôn kiếp chẳng được KIẾN TÁNH, rốt cuộc vô ích.

Thiện tri thức, Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật là tiếng Phạn, dịch là đại trí huệ đến bờ bên kia, đây cần phải tâm hành, chẳng ở miệng niệm, miệng niệm tâm chẳng hành thì cũng như huyễn hoá. Miệng niệm tâm hành, thì tâm và miệng tương ưng. Bản tánh là Phật, lià tánh chẳng có Phật.

Sao gọi là Ma Ha? Ma Ha là đại, tâm lượng quảng đại như hư không, chẳng có biên giới, cũng chẳng vuông tròn lớn nhỏ, cũng chẳng phải xanh vàng đỏ trắng, cũng chẳng trên dưới dài ngắn, cũng chẳng giận, chẳng vui, chẳng phải chẳng quấy, chẳng thiện chẳng ác, chẳng đầu chẳng đuôi. Các cõi Phật đều đồng như hư không, diệu tánh con người vốn không, chẳng có một pháp có thể đắc, tự tánh chơn không cũng như thế. Thiện tri thức, chớ nên nghe ta nói KHÔNG mà liền chấp KHÔNG. Trước nhất chớ chấp KHÔNG, nếu để tâm KHÔNG tĩnh tọa là lọt vào VÔ KÝ KHÔNG. Thiện tri thức, thế giới hư không bao hàm sắc tướng vạn vật, mặt trời mặt trăng, núi sông đất đai, cây cối,

biển lớn, kẻ dữ người lành, pháp ác pháp thiện, thiên đàng địa ngục, tất cả đều ở trong hư không, TÁNH KHÔNG của con người cũng vậy. Thiện tri thức, tự tánh hay bao hàm muôn pháp là Đ€I,muôn pháp đều ở trong tự tánh của con người. Nếu thấy điều dữ điều lành của người, tất cả đều chẳng lấy chẳng bỏ, chẳng chấp chẳng nhiễm, tâm như hư không gọi là Đ€I, nên nói là MA HA. Thiện tri thức, kẻ mê miệng nói, người trí tâm hành. Lại có kẻ mê để tâm không mà tĩnh tọa, trăm điều chẳng nghĩ, tự xưng là đại, với bọn người này không thể nói gì được, vì họ bị rơi vào tà kiến. Thiện tri thức, tâm lượng quảng đại cùng khắp pháp giới, dùng thì liễu liễu rõ ràng, ứng dụng liền biết tất cả. Tất cả tức một, một tức tất cả, tới lui tự do, tâm thể vô ngại tức là BÁT NHÃ.

Thiện tri thức, tất cả TRÍ BÁT NHÃ đều từ tự tánh mà sanh, chẳng từ bên ngoài vào, chớ lầm dùng ý thức, gọi là chơn tánh tự dụng. Nhất chơn nhất thiết chơn, tâm lượng là việc lớn, chẳng nên hành đạo nhỏ, miệng chớ trọn ngày nói không mà trong tâm chẳng tu hạnh này, giống như thường dân tự xưng là vua thì không được, hạng người này chẳng phải đệ tử của ta.

Thiện tri thức, sao gọi là BÁT NHÃ? BÁT NHÃ dịch là trí huệ. Bất cứ nơi nào lúc nào, niệm niệm chẳng ngu muội (chẳng chấp thật), thường hành đúng trí huệ, tức là hạnh BÁT NHÃ. Một niệm ngu muội (chấp thật) thì BÁT NHÃ tuyệt, một niệm trí huệ thì BÁT NHÃ sanh. Con người ngu mê chẳng thấy BÁT NHÃ, miệng nói BÁT NHÃ mà trong tâm thường ngu muội, tự nói ta tu BÁT NHÃ, niệm niệm nói KHÔNG mà chẳng biết CHƠN KHÔNG. BÁT NHÃ không hình tướng, ấy là tâm trí huệ, nếu hiểu thấu như thế gọi là TRÍ BÁT NHÃ.

Sao gọi Ba La Mật? Ba La Mật là tiếng Ấn Độ, dịch là đến bờ bên kia, nghiã là lià sanh diệt. Chấp cảnh thì sanh diệt dấy lên như nước nổi làn sóng, tức gọi bờ bên này, lìa cảnh thì chẳng sanh diệt như nước chảy im lìm, tức là bờ bên kia, nên gọi Ba La Mật. Thiện tri thức, kẻ mê miệng niệm, đang trong lúc niệm có vọng có sai, niệm niệm nếu hành, gọi là chơn tánh. Kẻ ngộ pháp này là PHÁP BÁT NHÃ, kẻ tu hạnh này là H€NH

BÁT NHÃ, chẳng tu tức là phàm phu, một niệm tu hành, tự thân bằng Phật. Thiện tri thức, phàm phu tức Phật, phiền não tức Bồ Đề; niệm trước mê tức phàm phu, niệm sau ngộ tức Phật. Niệm trước chấp cảnh tức phiền não, niệm sau lìa cảnh tức Bồ Đề.

Thiện tri thức! MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT, tối cao tối thượng tối đệ nhất, không trụ không đi cũng không đến, tam thế chư Phật từ đó ra. Cần phải dùng Đ€I TRÍ HUỆ, phá ngũ uẩn phiền não trần lao, tu hành như thế, nhất định thành Phật, đổi TAM ĐỘC thành GIỚI, ĐỊNH, HUỆ. Thiện tri thức, pháp môn này từ một BÁT NHÃ mà sanh ra tám mươi bốn ngàn trí huệ. Tại sao vậy? Vì con người có tám mươi bốn ngàn trần lao, nếu không có trần lao thì trí huệ luôn luôn hiển hiện, chẳng lìa tự tánh. Người ngộ pháp này tức là vô niệm, vô ức (không ghi nhớ), vô nhiễm trước, chẳng khởi cuồng vọng. Đối với tất cả pháp, dùng trí huệ của chơn như tự tánh chiếu soi, chẳng lấy chẳng bỏ, tức là KIẾN TÁNH THÀNH PHẬT. Thiện tri thức, muốn đi vào pháp giới thâm sâu và BÁT NHÃ TAM MUỘI, phải tu hạnh BÁT NHÃ, thực hành theo Kinh Kim Cang thì sẽ được KIẾN TÁNH. Phải biết cái công đức của Kinh này vô lượng vô biên, trong Kinh rõ ràng tán thán, chẳng thể kể xiết. Pháp môn này là TỐI THƯỢNG THỪA, vì người đại trí mà thuyết, vì người thượng căn mà thuyết, kẻ căn khí nhỏ nghe được khó tin. Tại sao vậy? Ví như trận mưa bão lụt, thành thị nông thôn đều bị cuốn trôi như cỏ lá, nếu mưa bão trong biển lớn thì chẳng thêm chẳng bớt; như người thượng thừa, người tối thượng thừa nghe được Kinh Kim Cang, tâm liền khai ngộ. Nên biết tự tánh vốn có cái TRÍ BÁT NHÃ, trí huệ tự tánh thường chiếu soi nên chẳng nhờ văn tự, ví như nước mưa, chẳng do trời có mà do khí trời làm nên, khiến cho tất cả chúng sanh, tất cả cây cối, hữu tình vô tình, đều được thấm nhuần, tất cả sông ngòi đều chảy về biển lớn, hợp thành nhất thể. Cái TRÍ TỰ TÁNH BÁT NHÃ của chúng sanh cũng vậy. Thiện tri thức, kẻ tiểu căn nghe được PHÁP MÔN ĐỐN GIÁO này, cũng như cây cỏ mà gặp mưa bão, đều tự gãy đổ chẳng sanh trưởng được, kẻ tiểu căn thì cũng như vậy: họ vốn có cái TRÍ BÁT NHÃ đồng với người đại trí, chẳng có khác biệt, tại sao nghe Pháp mà chẳng được tự ngộ? Đó là do tà kiến chướng nặng, phiền não căn sâu, cũng như mây lớn che khuất mặt trời,

chẳng được gió thổi nên chẳng hiện ánh sáng. CÁI TRÍ của BÁT NHÃ vốn chẳng lớn nhỏ, chỉ vì tất cả chúng sanh tự tâm mê ngộ chẳng đồng, tâm mê tu hành hướng ngoại tìm Phật mà chưa ngộ tự tánh, tức là tiểu căn. Nếu khai ngộ đốn giáo, chẳng chấp lấy hình tướng bên ngoài, chỉ ở trong tự tâm thường khởi chánh kiến, phiền não trần lao thường chẳng ô nhiễm, tức là KIẾN TÁNH. Thiện tri thức, trong ngoài chẳng trụ, đi lại tự do, nếu trừ được chấp tâm thì thông đạt vô ngại. Nếu tu được hạnh này, với Kinh BÁT NHÃ vốn chẳng sai biệt. Thiện tri thức, tất cả Kinh điển và văn tự, đại tiểu nhị thừa, mười hai bộ Kinh đều do người đặt ra, vì có tánh trí huệ mới được kiến lập; nếu chẳng có con người thì vạn pháp vốn chẳng tự có. Nên biết vạn pháp vốn do tâm người kiến tạo, tất cả Kinh sách là vì con người mà nói. Vì trong con người có kẻ ngu người trí, ngu là tiểu nhơn, trí là đại nhơn,kẻ ngu hỏi pháp với người trí, người trí thuyết pháp cho kẻ ngu, kẻ ngu đốn ngộ tự tâm thì chẳng khác với người trí vậy.

Thiện tri thức, khi chưa ngộ thì Phật tức chúng sanh, lúc một niệm khai ngộ, chúng sanh tức Phật. Nên biết vạn pháp đều ở nơi tự tâm, vậy sao chẳng ở trong tự tâm đốn thấy chơn như bản tánh? Kinh Phạm Võng nói: Tự tánh vốn thanh tịnh, nếu nhận được tự tâm, thấy được bản tánh, tức thành Phật đạo. Kinh Duy Ma Cật nói: Ngay lúc đó hoát nhiên đốn ngộ, liền được bổn tâm. Thiện tri thức, ta ở nơi Hoà Thượng Hoằng Nhẫn vừa nghe câu nói liền ngộ, đốn thấy chơn như bản tánh, cho nên hoằng dương giáo pháp này, khiến hành giả đốn ngộ Bồ Đề, mọi người tự thấy bổn tâm, tự kiến bản tánh, nếu chẳng tự ngộ, phải tìm người đã khai ngộ pháp tối thượng thừa, chỉ ngay đường lối CHÁNH PHÁP, vì thiện tri thức có nhân duyên lớn giáo hoá dẫn dắt, khiến hành giả được KIẾN TÁNH, tất cả thiện pháp đều do thiện tri thức mà được kiến lập. Tam thế chư Phật, mười hai bộ Kinh ở trong tự tánh vốn đã đầy đủ, vì tự ngộ chẳng được, nên phải nhờ thiện tri thức chỉ ra mới thấy, kẻ tự ngộ thì chẳng phải nhờ đến người khác. Nếu cố chấp rằng phải luôn luôn ỷ lại thiện tri thức mới mong được giải thoát thì không bao giờ được. Tại sao vậy? Vì ở trong tự tâm sẵn có tri thức tự ngộ, nếu khởi tà kiến mê chấp vọng tưởng điên đảo, dẫu cho gặp thiện tri thức dạy bảo cũng chẳng cứu được. Nếu khởi chơn chánh

BÁT NHÃ tham cứu, trong một sát na vọng tưởng đều tiêu, nhận được tự tánh, đốn siêu Phật địa. Thiện tri thức, dùng trí huệ chiếu soi, trong ngoài sáng tỏ rõ ràng thì nhận được bổn tâm. Nếu nhận được bổn tâm tức vốn là giải thoát, được giải thoát tức là BÁT NHÃ TAM MUỘI, BÁT NHÃ TAM MUỘI tức là VÔ NIỆM.

Sao gọi là vô niệm? Nếu thấy tất cả pháp tâm không nhiễm trước gọi là VÔ NIỆM, dùng thì khắp nơi, cũng chẳng dính mắc ở khắp nơi, hễ sạch được bổn tâm, khiến lục thức ra cửa lục căn, đối với lục trần mà chẳng nhiễm chẳng trước, đi lại tự do, ứng dụng vô ngại tức là BÁT NHÃ TAM MUỘI, tự tại giải thoát, gọi là hạnh VÔ NIỆM. Chứ chẳng phải như người lầm tưởng cho là ẹtrăm điều chẳng nghĩ, chỉ cho niệm tuyệtế, ấy là pháp trói buộc, tức là biên kiến. Thiện tri thức, kẻ ngộ pháp VÔ NIỆM thông đạt vạn pháp, ngộ pháp VÔ NIỆM thấy được cảnh giới chư Phật, ngộ pháp VÔ NIỆM được đến địa vị Phật. Thiện tri thức, nếu người đời sau ngộ được pháp này, đem pháp môn đốn giáo này với những người đồng một chánh kiến chánh hạnh phát nguyện cùng tu, như cúng dường Phật mà suốt đời chẳng thối lui, người ấy nhất định được vào Thánh vị.

Nhưng phải truyền thọ, từ trước đến nay các Tổ đều mặc truyền tâm ấn, chẳng được ẩn giấu Chánh Pháp. Nếu chẳng phải đồng một chánh kiến, chánh hạnh, là người đã ở trong pháp khác thì chẳng được truyền thọ, vì sợ kẻ ngu chẳng hiểu, lại sanh phỉ báng pháp môn này, phá hoại truyền thống CHÁNH PHÁP của Cổ Đức, làm cho muôn ngàn kiếp sau đoạn dứt Phật chủng, cuối cùng vô ích.

Thiện tri thức, nay ta có một bài VÔ TƯỚNG TỤNG, mọi người hãy tự giữ lấy, không kể xuất gia, tại gia, nên y theo bài tụng mà tu hành, nếu chẳng tự tu mà chỉ ghi nhớ lời ta cũng chẳng ích lợi gì. Bài tụng rằng:

Thuyết thông cập tâm thông,

Như nhựt xử hư không,

Duy truyền kiến tánh pháp,

Xuất thế phá tà tông.

Pháp tức vô đốn tiệm,

Mê ngộ hữu trì tật,

Chỉ thử kiến tánh môn,

Ngu nhơn bất khả tất.

Thuyết tức tuy vạn ban,

Hợp lý hườn quy nhất.

Phiền não ám trạch trung,

Thường tu sanh huệ nhựt,

Tà lai phiền não chí.

Chánh lai phiền não trừ,

Tà chánh câu bất dụng,

Thanh tịnh chí vô dư.

Bồ đề bổn tự tánh,

Khởi tâm tức thị vọng,

Tịnh tâm tại vọng trung,

Đản chánh vô tam chướng,

Thế nhơn nhược tu đạo,

Nhất thiết tận bất phương.

Thường kiến tự kỷ quá,

Dữ đạo tất tương đương.

Sắc loại tự hữu đạo,

Các bất tương phương não,

Ly đạo biệt mích đạo,

Chung thân bất kiến đạo.

Ba ba độ nhất sanh,

Đáo đầu hườn tự áo.

Dục đắc kiến chơn đạo,

Hạnh chánh tức thị đạo.

Tự nhược vô đạo tâm,

Ám hành bất kiến đạo.

Nhược chơn tu đạo nhơn,

Bất kiến thế gian quá,

Nhược kiến tha nhơn phi,

Tự phi khước thị tả,

Tha phi ngã bất phi,

Ngã phi tự hữu quá,

Đản tự khước phi tâm,

Đả trừ phiền não phá.

Tắng ái bất quan tâm,

Trường thân lưỡng cước ngọa.

Dục nghĩ hoá tha nhơn,

Tự tu hữu phương tiện.

Vật linh bỉ hữu nghi,

Tức thị tự tánh hiện.

Phật pháp tại thế gian,

Bất ly thế gian giác,

Ly thế mích bồ đề,

Cáp như cầu thố giác.

Chánh kiến danh xuất thế,

Tà kiến danh thế gian,

Tà chánh tận đả khước,

Bồ đề tánh uyển nhiên.

Thử tụng thị đốn giáo,

Diệc danh đại pháp thuyền,

Mê văn kinh lũy kiếp.

Ngộ tắc sát na gian.

Dịch nghiã:

Thuyết thông lại tâm thông (1),

Như mặt trời giữa không,

Chỉ truyền pháp kiến tánh,

Hoằng pháp phá tà tông.

Pháp vốn chẳng đốn tiệm,

Mê ngộ có nhanh chậm,

Pháp môn kiến tánh này,

Kẻ ngu chẳng thể tri.

Thuyết tuy muôn ngàn lối,

Đúng lý chỉ là một,
Nhà phiền não đen tối,
Thường nên sanh huệ nhựt,
Tà khởi phiền não tới,
Chánh đến phiền não trừ,
Tà chánh đều chẳng chấp,
Thanh tịnh đến cùng tột.
Tự tánh vốn bồ đề,
Khởi tâm tức là vọng,
Tịnh tâm ở trong vọng,
Niệm chánh chẳng tam chướng,
Người đời muốn tu đạo,
Tất cả đều chẳng ngại,
Thường tự thấy lỗi mình,
Với đạo tức tương ưng.
Muôn loài tự có đạo,
Mỗi mỗi chẳng ngại nhau,
Ngoài tâm đi tìm đạo,
Suốt đời chẳng thấy đạo.
Bôn ba qua một đời,
Sau cùng tự áo não.
Muốn được thấy chơn đạo,

Hạnh chánh tức là đạo,

Nếu tự chẳng đạo tâm,

Đen tối chẳng thấy đạo.

Nếu là người chơn tu,

Chẳng thấy lỗi thế gian,

Nếu thấy lỗi của người,

Trái lại thành tự quấy.

Người quấy ta chẳng quấy,

Thấy quấy thành tự lỗi.

Hễ bỏ tâm chấp quấy,

Phiền não tự tan rã.

Thương ghét chẳng quan tâm,

Duỗi thẳng hai chân nằm.

Muốn hoá độ chúng sanh, (2)

Tự phải có phương tiện,

Khiến họ hết nghi ngờ,

Tức là tự tánh hiện.

Phật pháp tại thế gian,

Chẳng rời thế gian giác,

Lià thế tìm bồ đề,

Cũng như tìm sừng thỏ.

Chánh kiến gọi xuất thế,

Tà kiến gọi thế gian,

Tà chánh đều quét sạch,

Tánh bồ đề rõ ràng.

Tụng này là đốn giáo,

Cũng gọi đại pháp thuyền.

Lúc mê tu nhiều kiếp,

Ngộ chỉ một sát na.

Sư lại nói: Nay ta ở chùa Đại Phạn thuyết pháp đốn giáo này, nguyện cho pháp giới chúng sanh nghe được pháp này liền kiến tánh thành Phật.ế Lúc ấy Vi Sử Quân và tất cả quan chức, đạo tục, nghe sư thuyết pháp đều được tỉnh ngộ, đảnh lễ tán thán rằng: Lành thay, đâu ngờ xứ Lãnh Nam lại có Phật ra đời.

GHI CHÚ:

(1) Thuyết thông lại tâm thông, Như mặt trời giữa không. Thuyết thông chưa chắc là tâm thông, tâm thông tự nhiên thuyết cũng thông. Vậy thế nào là tâm thông? Trên phù hợp ý Phật, dưới khế hợp đương cơ mới được gọi là tâm thông, khi tâm đã thông rồi mới có thể giống như mặt trời giữa hư không. Mặt trời giữa không chẳng có nhờ cậy dính mắc gì cả, nên chiếu soi khắp nơi chẳng thiếu sót. Nếu mặt trời có nhờ cậy bằng một sợi chỉ buộc treo lên, thì sợi chỉ ấy sẽ che khuất mặt trời, làm cho sự chiếu soi của mặt trời có chỗ thiếu sót vậy. Như Giáp Sơn Hoà Thượng ra hoằng pháp, Tăng hỏi: Thế nào là Pháp thân? Giáp Sơn đáp: Pháp thân chẳng tướng. Hỏi: Thế nào là Pháp Nhãn? Đáp: Pháp Nhãn chẳng bệnh. Khi đó có Đạo Ngô Thiền Sư nghe xong liền cười, Giáp Sơn xuống toà hỏi Đạo Ngô rằng: Giáp Sơn vừa trả lời Tăng này, chắc có chỗ không đúng khiến Thượng Tọa bật cười, xin Thượng Tọa từ bi chỉ dạy cho. Đạo Ngô nói: Hoà Thượng ra hoằng pháp chưa có Thầy. Giáp Sơn nói: Nay xin lễ Thượng Tọa làm Thầy. Đạo Ngô nói: Thầy của Hoà Thượng là Huê Đình Thuyền Tử. Giáp Sơn đến Huê Đình

gặp Thuyền Tử được khai ngộ, trở về nơi cũ hoằng pháp. Đạo Ngô lại sai một vị Tăng đến hỏi: Thế nào là Pháp Thân? Giáp Sơn vẫn đáp rằng: Pháp Thân chẳng tướng. Hỏi: Thế nào là Pháp Nhãn? Đáp: Pháp Nhãn chẳng bệnh. Tăng lập lại với Đạo Ngô. Đạo Ngô nói: Ông ấy nay đã triệt ngộ. Lời Giáp Sơn đáp Tăng trước, Đạo Ngô chê cười cho là thuyết thông tâm chẳng thông; lời đáp Tăng sau cũng giống như lời đáp trước mà Đạo Ngô lại tán thán, cho là tâm thông thuyết thông. Chỗ này chớ nên dùng ý thức để phân biệt; nếu dùng ý thức tìm hiểu thì chỉ có thể thuyết thông, chẳng thể tâm thông. Muốn tâm thông cần phải tham ngộ mới được.

(2)Muốn hoá độ chúng sanh, Tự phải có phương tiện, Khiến họ hết nghi ngờ, Tức là tự tánh hiện. Hai chữ phương tiện này chẳng phải giống như những người lạm dụng để cầu thêm danh lợi, hoặc che giấu tội lỗi; cũng chẳng phải dùng để độ người sơ cơ. Phương tiện ở đây là xuất phát từ Bát Nhã, phải người kiến tánh mới có Phương tiện này, mà dùng để khiến cho đương cơ từ NGHI đến NGỘ. Từ NGHI đến NGỘ: tùy theo người, từ một sát na cho đến năm, mười năm không chừng, cũng như: Ngài Huệ Minh vừa nghe, ngộ liền, Ngài Giáp Sơn, trong vài phút được ngộ, Ngài Pháp Nhãn, một tháng được ngộ, Tổ Hoài Nhượng, tám năm mới ngộ. Không phải mau ngộ là cao, chậm ngộ là thấp. Người chứng ngộ mới đoạn dứt được NGHI CĂN (Nguồn gốc nghi ngờ đối với vạn pháp.)Đoạn dứt NGHI CĂN tức là KIẾN TÁNH. Nên nói: Tức là tự tánh hiện (kiến tánh).

PHÁP BẢO ĐÀN KINH

Lục Tổ Huệ Năng

Dịch và Lược Giải Tỳ Kheo Thích Duy Lực

--- o0o ---

Phẩm Nghi Vấn Thứ Ba

Một hôm, Vi Sử Quân vì Sư thiết hội Trai Tăng. Trai xong Sử Quân mời Sư thăng toà, cùng với quan chức, dân chúng cung kính lễ bái, hỏi Sư : Đệ tử nghe Hòa Thượng thuyết pháp, thật là bất khả tư nghì, nay có một ít nghi vấn, xin Hòa Thượng từ bi giải thuyết cho.

Sư nói : "Có nghi cứ hỏi, ta giải đáp cho Sử Quân nói : Cái Pháp mà Hòa Thượng giảng dạy, có phải là tông chỉ của Tổ Đạt Ma chăng ? Sư đáp : Phải. Sử Quân nói : Đệ tử nghe nói : Tổ Đạt Ma lúc mới gặp Lương Võ Đế, vua hỏi : Trẫm suốt đời xây chùa độ Tăng, trai Tăng bố thí, được công đức gì ? Tổ Đạt Ma đáp : Thật chẳng công đức. Đệ tử chưa hiểu lý này, xin Hòa Thượng chỉ dạy.

Sư nói : Thật chẳng công đức. Chớ nghi lời của bậc Thánh xưa. Võ Đế tâm tà, chẳng biết Chánh Pháp. Xây chùa độ Tăng, trai Tăng bố thí, ấy là cầu phước, chẳng thể đem cái phước ấy cho là công đức. Công đức ở trong Pháp Thân, chẳng ở tại tu phước. Sư lại nói : Kiến tánh là công, bình đẳng là đức, niệm niệm vô ngại, thường thấy cái diệu dụng chân thật của tự tánh gọi là công đức. Trong tâm khiêm tốn là công, ngoài hành lễ phép là đức; tự tánh kiến lập vạn pháp là công, tâm thể lià niệm là đức; chẳng rời tự tánh là công, ứng dụng vô nhiễm là đức. Muốn tìm kiếm Pháp Thân của công đức, phải y theo đây thực hành mới là chơn công đức. Người tu hạnh công đức, tâm chẳng khinh người, thường hành pháp cung kính. Tâm nếu khinh người, nhơn ngã chẳng dứt tức là chẳng công, tự mình hư vọng chẳng thật tức là chẳng đức, vì ngã chấp quá lớn, nên thường khinh bỉ tất cả. Thiện tri thức, niệm niệm chẳng gián đoạn là công, tâm bình đẳng, hạnh ngay thẳng là đức; tự tu tánh là công, tự tu thân là đức. Thiện tri thức, công đức phải do

tự tánh tự thấy, chẳng phải bố thí cúng dường mà cầu được, nên phước đức và công đức khác nhau là vậy. Võ Đế tự chẳng biết chân lý, đâu phải lỗi của Tổ Sư ! Sử Quân lại hỏi : Đệ tử thường thấy Tăng tục niệm Phật A Di Đà, nguyện sanh Tây Phương, được vãng sanh chăng ? Xin Hoà Thượng chỉ thị để phá nghiế. Sư nói : Sử Quân hãy nghe đây : Lúc Thế Tôn ở trong thành Xá Vệ thuyết Kinh Dẫn Hoá Tây Phương, rõ ràng từ đây đến đó chẳng xa. Nếu nói theo tướng thuyết, tính theo số dặm thì có mười vạn tám ngàn, tức thập ác tám tà nơi thân; đó là nói xa. Nói xa là vì kẻ hạ căn, nói gần là vì người thượng trí, người có hai loại, pháp chẳng hai thứ, do mê ngộ có khác nên thấy có nhanh chậm. Kẻ mê niệm Phật cầu sanh nơi khác, người ngộ tự tin nơi tâm. Cho nên Phật nói : Tùy nơi tâm tịnh (trong sạch) tức Phật độ tịnh. Sử Quân là người Đông Phương, hễ tâm tịnh thì chẳng tạo tội, người Tây Phương tâm nếu chẳng tịnh cũng có lỗi. Người Đông Phương tạo tội, niệm Phật cầu sanh Tây Phương, người Tây Phương tạo tội cầu sanh phương nào ? Kẻ mê chẳng rõ tự tánh, chẳng biết tịnh độ trong thân, cầu nguyện nơi Đông nơi Tây, người ngộ thì ở đâu cũng vậy. Cho nên Phật nói : Ở bất cứ nơi nào cũng đều an lạc vậy. Sử Quân nếu chẳng khởi ác niệm thì Tây Phương cách đây chẳng xa, nếu tâm thường khởi ác thì dẫu cho niệm Phật cũng khó mà vãng sanh. Nay khuyên thiện tri thức, trước nhất phải trừ thập ác, tức đã đi được mười vạn dặm, sau dứt tám tà, tức đã qua tám ngàn dặm vậy. Niệm niệm thấy tánh, thực hành bình đẳng và ngay thẳng, đến Tây Phương như búng ngón tay, liền thấy Di Đà. Sử Quân chỉ cần tu thập thiện, đâu còn phải nguyện vãng sanh ! Nếu chẳng dứt thập ác tâm, Phật nào mà đến rước ? Nếu ngộ được pháp vốn VÔ SANH, thấy Tây Phương chỉ trong chốc lát, chẳng ngộ tự tâm mà niệm Phật thì con đường vãng sanh xa xôi, làm sao đến được ! Nay Huệ Năng dời Tây Phương đến với các ngươi, chỉ cần trong sát na liền thấy trước mắt, các ngươi có muốn thấy chăng ? Đại chúng đảnh lễ rằng : Nếu được thấy tại nơi đây, đâu cần cầu nguyện vãng sanh nữa, xin Hoà Thượng từ bi hiện cõi Tây Phương cho cả thảy đều thấy.

Sư nói : Đại chúng, cơ thể của các ngươi là thành, nhãn nhĩ tỷ thiệt thân là cửa, ngoài có năm cửa, trong có cửa ý (ý căn), tâm là địa, tánh là vua. Vua ngụ nơi tâm địa, tánh

còn tức vua còn, tánh đi vua chẳng còn, tánh còn thân tâm còn, tánh đi thân tâm hoại. Tìm Phật ở nơi tâm, chớ nên cầu bên ngoài. Tự tâm mê tức chúng sanh, tự tâm giác ngộ tức Phật, từ bi tức Quán Âm, hỉ xả tức Thế Chí, thanh tịnh tức Thích Ca, bình đẳng ngay thẳng tức Di Đà, nhơn ngã là núi Tu Di, tà tâm là nước biển, phiền não là làn sóng, độc hại là rồng ác, hư vọng là quỷ thần, trần lao là cá trạch, tham sân là địa ngục, ngu si là súc sanh. Thiện tri thức, thường hành thập thiện, thiên đàng liền đến, trừ được nhơn ngã, núi Tu Di sụp, phá được tà tâm thì nước biển cạn, chẳng sanh phiền não thì làn sóng lặn, quên bỏ độc hại thì cá rồng tuyệt. Tự tánh Như Lai trong tâm địa phóng đại quang minh, ngoài chiếu sáu cửa thanh tịnh, phá hết lục dục chư thiên, tự tánh chiếu soi, bên trong liền trừ tam độc, các tội địa ngục nhất thời tan rã, trong ngoài sáng tỏ, chẳng khác Tây Phương, nếu chẳng tu như vậy, Tây Phương làm sao đến được ?

Đại chúng nghe nói, đều tự tin sẽ được kiến tánh, thảy đều lễ bái tán thán rằng : Lành thay, nguyện khắp pháp giới chúng sanh, nghe được pháp này sẽ được từ NGHI đến NGỘ.

Sư nói : Thiện tri thức, nếu muốn tu hành, tại gia cũng được, chẳng do tại chùa. Tại gia tu được như người Đông Phương mà tâm thiện, tại chùa chẳng tu như kẻ Tây Phương mà tâm ác, chỉ cần tâm được thanh tịnh, tức là tự tánh Tây Phương. Sử Quân lại hỏi : Tại gia phải tu như thế nào ? Xin Hòa Thượng chỉ dạy. Sư nói : Nay ta vì các ngươi nói bài VÔ TƯỚNG TỤNG, chỉ cần y theo đây mà tu, như thường ở với ta chẳng khác, nếu chẳng chịu tu, dẫu cho xuống tóc xuất gia, cũng đâu có ích lợi gì ? Bài tụng rằng :

Tâm bình hà lao trì giới,

Hạnh trực hà dụng tu thiền.

Ân tắc thân dưỡng phụ mẫu,

Nghiã tắc thượng hạ tương lân.

Nhượng tắc tôn ty hòa mục,

Nhẫn tắc chúng ác vô tuyên.

Nhược năng toản mộc thủ hỏa,

Ứ nê định sinh hồng liên.

Khổ khẩu tức thị lương dược,

Nghịch nhĩ tất thị trung ngôn.

Cải qúa tất sanh trí huệ,

Hộ đoản tâm nội phi hiền.

Nhựt dụng thường hành nhiêu ích,

Thành đạo phi do thí tiền.

Bồ đề chỉ hướng tâm mích,

Hà lao hướng ngoại cầu huyền.

Thính thuyết y thử tu hành,

Thiên đàng chỉ tại mục tiền.

Dịch nghiã :

Tâm bình đẳng (bất nhị) chẳng nhọc trì giới

(tâm địa chẳng quấy tự tánh giới).

Hạnh ngay thẳng (bất nhị) đâu cần tu thiền.

(Hạnh ngay thẳng là công phu bảo nhậm, ngộ rồi chỉ cần bảo nhậm, khỏi phải tu thiền).

Báo ân là nuôi dưỡng cha mẹ,

Nhân nghiã thì già trẻ thương nhau.

Khiêm nhường thì sang hèn hoà thuận,

Nhẫn nhục thì việc ác chẳng sanh.

Nếu công phu miên mật mãi mãi,

Kẻ ngu độn cũng phải kiến tánh.

Thuốc đắng hay trừ được bệnh khổ,

Lời trái tai ắt là trung ngôn.

Tự sửa quấy sẽ sanh trí huệ,

Giấu lỗi thì trong tâm chẳng lành.

Hằng ngày thường lợi ích chúng sanh,

Thành đạo chẳng do bố thí tiền.

Bồ đề chỉ ở nơi tâm ngộ.

Đâu cần hướng ngoại để cầu huyền.

Nghe xong hãy theo đây mà tu hành,

Tịnh độ đã ở ngay trước mắt.

Sư lại nói : Thiện tri thức, cần phải y theo kệ này tu hành, nhận thấy tự tánh, thẳng đến Phật địa. Pháp chẳng đợi người, các ngươi hãy đi, ta về Tào Khê, hễ có thắc mắc thì đến hỏi. Lúc ấy Sử Quân và trong hội các quan chức, thiện nam tín nữ đều được tỉnh ngộ, tín thọ phụng hành.

PHÁP BẢO ĐÀN KINH

Lục Tổ Huệ Năng

Dịch và Lược Giải Tỳ Kheo Thích Duy Lực

--- o0o ---

Phẩm Định Huệ Thứ Tư

Sư dạy chúng rằng: Thiện tri thức, pháp môn này lấy ĐỊNH Huệ làm gốc. Các ngươi chớ lầm rằng ĐỊNH với Huệ có khác; ĐỊNH Huệ vốn nhất thể, chẳng phải là hai. Định là thể của Huệ, Huệ là dụng của Định, ngay trong lúc huệ có định, ngay trong lúc định có huệ, thấu được nghiã này tức là định huệ đồng nhau. Các ngươi học đạo chớ cho là trước phát định sau phát huệ, hay trước huệ sau định có khác, kiến giải như vậy thành ra pháp có nhị tướng. Miệng tuy nói lành mà trong tâm chẳng lành, tuy có định huệ mà định huệ chẳng đồng nhau. Nếu tâm miệng đều lành, trong ngoài nhất thể, tức là định huệ đồng nhau. Tự ngộ tu hành, chẳng nên tranh biện, nếu tranh giành trước sau thì đồng với kẻ mê, chẳng dứt hơn thua, lại thêm ngã chấp, chẳng lià được tứ tướng (nhơn, ngã, chúng sanh, thọ giả).

Thiện tri thức, ĐỊNH Huệ ví như cái gì? Như đèn và ánh sáng: có đèn thì sáng, không đèn thì tối; đèn là thể của sáng, sáng là dụng của đèn, tên tuy có hai, thể vốn là một, pháp ĐỊNH Huệ cũng vậy. Sư dạy chúng rằng: Thiện tri thức, nói nhất hạnh tam muội, là ở tất cả mọi nơi đi đứng nằm ngồi thường hành trực tâm. Kinh Duy Ma Cật nói: Trực tâm là đạo tràng, trực tâm là tịnh độ. Chớ nên tâm hạnh quanh co, miệng thì nói trực, nói nhất hạnh tam muội mà chẳng hành trực tâm. Người hành trực tâm, đối với tất cả pháp chẳng nên chấp trước. Kẻ mê chấp pháp tướng, chấp nhất hạnh tam muội, cứ nói ngồi yên chẳng động, vọng chẳng khởi nơi tâm tức là nhất hạnh tam muội; kiến giải như vậy đồng với vô tình, đó là nhân duyên chướng đạo.

Sư dạy chúng rằng: Thiện tri thức, đạo cần phải linh động, chớ nên làm cho ngăn trệ. Tâm chẳng trụ pháp thì đạo được linh động, tâm nếu trụ pháp, gọi là tự trói. Nếu nói

ngồi yên chẳng động là đúng, chỉ như Xá Lợi Phất tĩnh tọa trong rừng lại bị Duy Ma Cật quở. Thiện tri thức, lại có kẻ dạy người lấy ngồi làm công phu, khán tâm quán tịnh, chẳng khởi chẳng động, kẻ mê chẳng hiểu, bèn chấp ngồi thành bệnh, nhiều người truyền dạy nhau như vậy, thật là lầm lỗi lớn!

Sư dạy chúng rằng: Thiện tri thức, CHÁNH GIÁO vốn chẳng đốn tiệm, tánh người tự có lợi độn, kẻ mê tiệm tu, người ngộ đốn khế. Đốn tiệm chỉ là giả danh kiến lập mà thôi, nếu tự nhận được bổn tâm, tự thấy được bổn tánh thì chẳng sai biệt vậy. Thiện tri thức, pháp môn này xưa nay lập VÔ Niệm làm tông, VÔ TƯỚNG làm thể, VÔ Trụ làm gốc.VÔ TƯỚNG là ở nơi tướng mà lià tướng.VÔ Niệm là ở nơi niệm mà chẳng niệm. VÔ Trụ là bản tánh của con người đối với tất cả sự vật, thiện ác, tốt xấu, kẻ thù, người thân trên thế gian, cho đến lúc bị người nói xấu, khi dễ, đều cho là không, chẳng nghĩ trả thù, niệm niệm chẳng nghĩ ngoại cảnh. Nếu niệm trước, niệm sau và đang niệm, niệm niệm theo cảnh chẳng dứt, gọi là trói buộc, đối với tất cả pháp niệm niệm chẳng trụ tức là chẳng trói buộc vậy, đây là lấy VÔ Trụ làm gốc.

Thiện tri thức, ngoài lià tất cả tướng gọi là VÔ TƯỚNG, lià tướng thì pháp thể thanh tịnh, đây là lấy VÔ TƯỚNG làm thể. Thiện tri thức, đối với mọi cảnh tâm chẳng nhiễm, trong niệm thường tự lià mọi cảnh, chẳng ở trên cảnh sanh tâm gọi là VÔ Niệm Nếu là trăm điều chẳng nghĩ, làm cho niệm tuyệt, một niệm tuyệt liền chết, thọ sanh nơi khác, ấy là cái lỗi lầm lớn, người học đạo nên xét kỹ! Nếu chẳng hiểu ý Chánh Pháp, tự lầm còn đỡ, lại khuyên người khác học theo, tự mê chẳng thấy, lại thêm tội phỉ báng Kinh Phật, vì vậy nên lập VÔ Niệm làm tông.

Thiện tri thức, tại sao lập VÔ Niệm làm tông? Chỉ vì kẻ mê miệng nói kiến tánh mà khởi niệm trên cảnh, nơi niệm liền lọt vào tà kiến, tất cả trần lao vọng tưởng theo đó mà sanh. Tự tánh vốn chẳng một pháp có thể đắc, nếu có sở đắc, vọng nói tội phước, tức là trần lao tà kiến, nên pháp môn này lập VÔ Niệm làm tông.

Thiện tri thức, VÔ là Vô việc gì? Niệm là Niệm vật gì? VÔ là VÔ NHỊ TƯỚNG (Pháp đối đãi), VÔ tất cả tâm trần lao. Niệm là Niệm CHƠN NHƯ BẢN TÁNH. CHƠN NHƯ là thể của Niệm , Niệm là dụng của CHƠN NHƯ. Chơn như tự tánh khởi niệm, chẳng do nhãn nhĩ tỷ thiệt năng niệm, chơn như có tánh cho nên khởi niệm, nếu chơn như không tánh thì nhãn nhĩ sắc thanh ngay đó liền hoại. Thiện tri thức, chơn như tự tánh khởi niệm, lục căn dù có kiến văn giác tri mà chẳng nhiễm muôn cảnh, chơn tánh thường tự tại. Nên Kinh nói: Khéo phân biệt được các pháp tướng mà nơi đệ nhất nghiã thường chẳng động là vậy.

PHÁP BẢO ĐÀN KINH

Lục Tổ Huệ Năng

Dịch và Lược Giải Tỳ Kheo Thích Duy Lực

--- o0o ---

Phẩm Tọa Thiền Thứ Năm

Sư dạy chúng rằng: Pháp môn này nói TỌA THIỀN vốn chẳng chấp tâm, cũng chẳng chấp tịnh, cũng chẳng phải là chẳng động. Nếu nói chấp tâm, tâm vốn là vọng, biết tâm như huyễn cho nên chẳng chấp. Nếu nói chấp tịnh, tự tánh vốn tịnh, chỉ do vọng niệm che khuất chơn như, nếu chẳng có vọng niệm, tánh tự thanh tịnh; khởi tâm chấp tịnh, lại sanh vọng tịnh. Vọng chẳng xứ sở, kẻ chấp là vọng, tịnh chẳng hình tướng, lại lập tướng tịnh cho là công phu; kiến giải như vậy chướng tự bản tánh, lại bị tịnh trói.

Thiện tri thức, nếu người tu theo pháp chẳng động, khi thấy mọi người mà chẳng thấy tất cả thị phi, thiện ác, lỗi lầm của người, tức là tự tánh chẳng động. Thiện tri thức, kẻ mê thân dù chẳng động, mở miệng thì nói thị phi, tốt xấu, hay dở của người; như vậy là trái ngược với đạo, nếu chấp tâm tịnh tức là chướng đạo.

Sư dạy chúng rằng: Thiện tri thức, sao gọi là TỌA THIỀN? Trong pháp môn này vô chướng, vô ngại, bên ngoài đối với tất cả cảnh giới thiện ác tâm niệm chẳng khởi gọi là TỌA, bên trong thấy tự tánh chẳng động gọi là THIỀN.

Thiện tri thức, sao gọi là THIỀN ĐỊNH? Bên ngoài lìa tướng là THIỀN, bên trong chẳng loạn là ĐỊNH. Ngoài nếu chấp tướng, trong tâm liền loạn, ngoài nếu lìa tướng thì tâm chẳng loạn. Bản tánh tự tịnh tự định, chỉ vì thấy cảnh chấp cảnh thành loạn, nếu người thấy mọi cảnh mà tâm chẳng loạn, đó là CHƠN ĐỊNH vậy. Thiện tri thức, ngoài lìa tướng tức THIỀN, trong chẳng loạn tức ĐỊNH, ngoài THIỀN trong ĐỊNH gọi là THIỀN ĐỊNH. Kinh Phạm Võng nói: Bản tánh ta vốn tự thanh tịnh. Thiện tri thức, niệm niệm tự thấy bản tánh thanh tịnh, tự tu tự hành, tự thành Phật đạo.

PHÁP BẢO ĐÀN KINH

Lục Tổ Huệ Năng

Dịch và Lược Giải Tỳ Kheo Thích Duy Lực

--- o0o ---

Phẩm Sám Hối Thứ Sáu

Lúc ấy Sư thấy các quan chức và dân chúng từ Quảng Châu, Thiều Châu các nơi tấp nập đến chùa nghe pháp, nên thăng tòa dạy chúng rằng:

Các thiện tri thức, việc này phải ở trong tự tánh mà khởi, bất cứ lúc nào niệm niệm, tự tịnh nơi tâm, tự tu tự hành, tự thấy Pháp Thân, tự thấy tâm Phật, tự độ tự giới, như vậy mới chẳng uổng công đến đây. Đã từ xa đến, gặp nhau nơi đây đều là có duyên. Nay các ngươi hãy quỳ xuống. Ta vì các ngươi truyền năm phần HƯƠNG PHÁP THÂN của tự tánh, kế đó thọ VÔ TƯỚNG SÁM Hối. Đại chúng cùng quỳ xuống.

Sư nói: Một là GIỚI HƯƠNG: Tức trong tự tâm chẳng quấy chẳng ác, chẳng ganh tỵ, chẳng tham sân, chẳng cướp hại gọi là GIỚI HƯƠNG. Hai là ĐỊNH HƯƠNG: Thấy những cảnh tướng thiện ác tự tâm chẳng loạn, gọi là ĐỊNH HƯƠNG. Ba là Huệ HƯƠNG: Tự tâm vô ngại, thường dùng trí huệ chiếu soi tự tánh, chẳng tạo điều ác, dù tu nhiều thiện mà tâm chẳng chấp trước, kính trên mến dưới, thương xót kẻ cô đơn nghèo nàn, gọi là Huệ HƯƠNG. Bốn là GIẢI THOÁT HƯƠNG: Tự tâm chẳng phan duyên, chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác, tự tại vô ngại, gọi là GIẢI THOÁT HƯƠNG. Năm là GIẢI THOÁT TRI KIẾN HƯƠNG: Tự tâm đã chẳng phan duyên thiện ác, chớ nên trầm không trệ tịch, phải tu học pháp tối thượng thừa, nhận tự bản tâm, thông đạt lý Phật, hạ mình để tiếp người, vô nhơn vô ngã, thẳng đến Bồ đề, chơn tánh chẳng đổi gọi là GIẢI THOÁT TRI KIẾN HƯƠNG.

Thiện tri thức, hương này mỗi người tự huân tập trong tâm, chớ tìm bên ngoài. Nay vì các ngươi truyền thọ VÔ TƯỚNG SÁM Hối, diệt tội tam thế, khiến cho tam nghiệp

thanh tịnh. Thiện tri thức, hãy nói theo ta: Đệ tử chúng con, từ tiền niệm, hiện niệm, hậu niệm, niệm niệm chẳng bị ngu mê nhiễm. Tất cả các tội ác nghiệp ngu mê đã có từ trước, thảy đều sám hối, nguyện nhất thời tan rã, trọn chẳng khởi nữa. Đệ tử chúng con, từ tiền niệm, hiện niệm, hậu niệm, niệm niệm chẳng bị kiêu căng dối trá nhiễm. Tất cả các tội ác nghiệp kiêu căng dối trá đã có từ trước thảy đều sám hối, nguyện nhất thời tan rã, trọn chẳng khởi nữa. Đệ tử chúng con, từ tiền niệm, hiện niệm, hậu niệm, niệm niệm chẳng bị ganh tỵ nhiễm. Tất cả các tội ác nghiệp ganh tỵ đã có từ trước thảy đều sám hối, nguyện nhất thời tan rã, trọn chẳng khởi nữa.

Thiện tri thức, trên đây là VÔ TƯỚNG SÁM Hối. Thế nào là SÁM? Thế nào là Hối? Sám là sám trừ tội trước, từ trước tất cả các tội ác nghiệp ngu mê, kiêu căng, dối trá, ganh tỵ thảy đều sám hết, chẳng bao giờ khởi nữa gọi là sám. Hối là hối cải lỗi sau, tất cả ác nghiệp ngu mê, kiêu căng, dối trá, ganh tỵ... nay đã giác ngộ, đều cho đoạn dứt, chẳng bao giờ tạo nữa gọi là hối. Phàm phu ngu mê, chỉ biết sám trừ tội trước, chẳng biết hối cải lỗi sau, vì chẳng hối cải, nên tội trước chẳng diệt, tội sau lại sanh, tội trước đã chẳng diệt, tội sau lại tiếp tục, như thế làm sao gọi là SÁM Hối được! Thiện tri thức, đã sám hối xong, nay vì thiện tri thức phát TỨ HOẰNG thệ nguyện, mọi người phải dùng chánh tâm để nghe:

Tự tâm chúng sanh vô biên thệ nguyện độ,

Tự tâm phiền não vô tận thệ nguyện dứt,

Tự tánh pháp môn vô lượng thệ nguyện học,

Tự tánh Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.

Thiện tri thức, chúng ta há chẳng nói CHÚNG SANH VÔ BIÊN thệ nguyện ĐỘ sao? Nói như thế, nhưng chẳng phải là Huệ Năng độ đâu. Thiện tri thức, chúng sanh ở nơi tự tâm, cũng như tâm tà mê, tâm cuồng vọng, tâm chẳng thiện, tâm ganh tỵ, tâm ác độc... những thứ tâm kể trên đều là chúng sanh. Mọi người phải tự tánh tự độ, gọi là CHƠN ĐỘ. Sao gọi là tự tánh tự độ? Tức là tà kiến, phiền não, ngu si trong tâm dùng chánh

kiến để độ; đã có chánh kiến, dùng trí Bát Nhã để phá trừ ngu si mê vọng, tà đến chánh độ, mê đến ngộ độ, ngu đến trí độ, ác đến thiện độ, chúng sanh mỗi mỗi tự độ, độ như thế gọi là CHƠN ĐỘ. PHIỀN NÃO VÔ TẬN thệ nguyện DỨT: Tức là đem trí Bát Nhã của tự tánh, dứt trừ tất cả tư tưởng hư vọng, gọi là CHƠN DỨT. PHÁP MÔN VÔ LƯỢNG thệ nguyện HỌC: Là phải tự thấy tự tánh, thường hành Chánh Pháp, gọi là CHƠN HỌC. PHẬT Đ€O VÔ THƯỢNG thệ nguyện THÀNH: Đã quyết tâm dùng công phu, thường hành nơi chơn chánh, lià mê lià giác, thường sanh Bát Nhã, trừ vọng trừ chơn, liền thấy Phật tánh, tức ngay nơi đó thành Phật đạo, gọi là CHƠN THÀNH.

Thường nghĩ nhớ tu hành là PHÁT Nguyện LỰC. Thiện tri thức, đã phát tứ hoằng thệ nguyện xong, nay vì thiện tri thức truyền VÔ TƯỚNG TAM QUY Y GIỚI.

Thiện tri thức, QUY Y GIÁC, lưỡng túc tôn, QUY Y CHÁNH, ly dục tôn, QUY Y TỊNH, chúng trung tôn. Từ nay trở đi, xưng GIÁC làm Thầy, trọn chẳng quy y tà ma ngoại đạo, dùng TỰ TÁNH TAM BẢO thường tự chứng minh. Khuyên các thiện tri thức, nên QUY Y TỰ TÁNH TAM BẢO: Phật tức là GIÁC, Pháp tức là CHÁNH, Tăng tức là TỊNH. Tự tâm quy y GIÁC thì tà mê chẳng sanh, thiểu dục tri túc, hay lià tài sắc, gọi là LƯỠNG TÚC TÔN. Tự tâm quy y CHÁNH, niệm niệm chẳng tà kiến, vì chẳng tà kiến nên chẳng có nhơn ngã, cống cao, tham ái, chấp trước, gọi là LY Dục TÔN. Tự tâm quy y TỊNH, tự tánh đối với tất cả cảnh giới trần lao ái dục đều chẳng nhiễm trước, gọi là CHÚNG TRUNG TÔN. Nếu tu hạnh này là tự quy y. Phàm phu chẳng hiểu, từ sáng đến tối thọ tam quy y, nếu nói quy y Phật, Phật ở chỗ nào? Nếu chẳng thấy Phật thì dựa vào đâu mà quy y? Nói lại thành vọng. Thiện tri thức, mọi người hãy xem xét kỹ, chớ lầm dụng tâm, trong Kinh rõ ràng nói là quy y tự tánh Phật, chẳng có nói quy y tha Phật. Tự tánh Phật, chẳng quy y thì đâu còn chỗ nào để quy y nữa! Nay đã tự ngộ, mỗi mỗi đều phải quy y TỰ TÁNH TAM BẢO, bên trong tự sửa tâm tánh, bên ngoài kính mến mọi người, tức là TỰ QUY Y vậy.

Thiện tri thức, đã quy y TỰ TÁNH TAM BẢO xong các ngươi chú tâm, nghe ta nói NHẤT THỂ TAM THÂN TỰ TÁNH PHẬT, khiến các ngươi đều rõ ràng thấy tam thân Phật, tự ngộ tự tánh.

Nay nói theo ta: Nơi tự sắc thân Quy y THANH TỊNH PHÁP THÂN PHẬT. Nơi tự sắc thân Quy y THIÊN BÁ ỨC HOÁ THÂN PHẬT. Nơi tự sắc thân Quy y VIÊN MÃN BÁO THÂN PHẬT. Thiện tri thức, sắc thân là nhà trọ, chẳng thể nói quy y được. Xưa nay tam thân Phật ở trong tự tánh mọi người đều sẵn có, tại tâm mê nên chẳng thấy tánh bên trong, chỉ hướng ngoại tìm tam thân Phật mà chẳng thấy tự thân có tam thân Phật. Các ngươi hãy nghe, nay ta khiến các ngươi ngay nơi tự thân được thấy tự tánh có tam thân Phật; tam thân Phật này từ tự tánh sanh ra, chẳng từ bên ngoài mà được.

Sao gọi là THANH TỊNH PHÁP THÂN PHẬT? Người đời tánh vốn thanh tịnh, vạn pháp từ tự tánh sanh khởi. Suy lường điều ác tức sanh hạnh ác, suy lường điều thiện tức sanh hạnh lành. Như vậy các pháp ở trong tự tánh như trời thường trong, mặt trời mặt trăng thường sáng; vì bị mây đen che khuất nên trên sáng dưới tối; thoạt được gió thổi mây tan, trên dưới đều sáng, vạn tượng đều hiện. Người đời tánh hay phù du lơ lửng như mây trên trời. Thiện tri thức, trí như mặt trời, huệ như mặt trăng, trí huệ thường sáng; vì chấp cảnh bên ngoài, nên bị vọng niệm mây đen che khuất, tự tánh chẳng được sáng tỏ. Nếu gặp được thiện tri thức, nghe được Chánh Pháp, tự trừ mê vọng, trong ngoài đều sáng, vạn pháp đều hiện nơi tự tánh: người KIẾN TÁNH cũng vậy. Đây gọi là THANH TỊNH PHÁP THÂN PHẬT.

Thiện tri thức, tự tâm quy y tự tánh tức là quy y CHƠN PHẬT. Tự Quy Y tức là trong tự tánh trừ sạch những tâm bất thiện, tâm ganh tỵ, tâm quanh co, tâm chấp ngã, tâm cuồng vọng, tâm khinh mạn, tâm tà kiến, tâm cống cao và tất cả những hạnh bất thiện. Thường tự thấy lỗi mình, chẳng nói tốt xấu của người, ấy là TỰ QUY Y. Thường phải hạ mình, cung kính mọi người, tức là KIẾN TÁNH, thông đạt chẳng còn trệ ngại, ấy là TỰ QUY Y.

Sao gọi là THIÊN BÁ ỨC HOÁ THÂN? Nếu chẳng nghĩ muôn pháp, tánh vốn như hư không. Một niệm suy lường gọi là biến hoá: Suy lường điều ác tức hoá ra địa ngục, suy lường việc thiện hoá ra thiên đàng, độc hại hoá ra rắn rồng, từ bi hoá ra Bồ Tát, trí huệ hoá ra tam thiện đạo, ngu si hoá ra tam ác đạo. Tự tánh biến hoá rất nhiều, kẻ mê chẳng thể tỉnh giác, niệm niệm khởi ác, thường đi trên đường ác, hễ nhất niệm hồi tâm hướng thiện, trí huệ liền sanh, đây gọi là TỰ TÁNH HOÁ THÂN PHẬT.

Sao gọi là VIÊN MÃN BÁO THÂN? Ví như một ngọn đèn trừ được ngàn năm đen tối, một niệm trí huệ diệt được muôn năm ngu mê. Chớ nghĩ việc xưa, đã qua thì bất khả đắc, thường nghĩ về sau, niệm niệm viên tròn sáng tỏ, tự thấy bản tánh, thiện ác dù khác, tánh vốn bất nhị, tánh bất nhị gọi là thật tánh, ở trong thật tánh chẳng nghĩ thiện ác, đây gọi là VIÊN MÃN BÁO THÂN PHẬT.

Tự tánh khởi một niệm ác, liền diệt vạn kiếp thiện nhân, tự tánh khởi một niệm thiện, liền dứt hằng sa ác nghiệp, thẳng đến Vô Thượng Bồ Đề. Niệm niệm tự thấy chẳng mất bản niệm gọi là BÁO THÂN PHẬT. Thiện tri thức, từ Pháp Thân suy lường tức là HOÁ THÂN PHẬT; niệm niệm tự tánh tự thấy tức là BÁO THÂN PHẬT; tự ngộ tự tu tự tánh công đức là CHƠN QUY Y. Da thịt này là sắc thân, sắc thân là nhà trọ, chẳng thể Quy Y được. Hễ ngộ được tự tánh tam thân, tức nhận được tự tánh Phật. Nay ta thuyết bài VÔ TƯỚNG TỤNG, nếu y theo tụng này tu hành, ngay đó khiến các ngươi nhiều kiếp ngu mê đều nhất thời tan rã. Tụng rằng:

Mê nhơn tu phước bất tu đạo,

Chỉ ngôn tu phước tiện thị đạo,

Bố thí cúng dường phước vô biên,

Tâm trung tam ác nguyên lai tạo,

Nghĩ tương tu phước dục diệt tội,

Hậu thế đắc phước tội hườn tại.

Đản hướng tâm trung trừ tội duyên;

Các tự tánh trung chơn sám hối.

Hốt ngộ đại thừa chơn sám hối,

Trừ tà hành chánh tức vô tội.

Học đạo thường ư tự tánh quán,

Tức dữ chư Phật đồng nhất loại.

Ngô Tổ duy truyền thử đốn pháp,

Phổ nguyện kiến tánh đồng nhất thể.

Nhược dục tương lai mích pháp thân,

Ly chư pháp tướng tâm trung tẩy.

Nỗ lực tự kiến mạc du du,

Hậu niệm hốt tuyệt nhất thế hưu.

Nhược ngộ đại thừa đắc kiến tánh,

Kiền cung hiệp chưởng chí tâm cầu.

Dịch nghiã:

Kẻ mê tu phước chẳng tu đạo,

Chỉ cho tu phước tức là đạo.

Bố thí cúng dường phước vô biên,

Trong tâm tam ác vẫn còn tạo.

Muốn dùng tu phước để diệt tội,

Kiếp sau được phước tội vẫn còn.

Nhân duyên tội ác trừ nơi tâm,

Hướng vào tự tánh chơn sám hối.

Hoát ngộ đại thừa chơn sám hối,

Tà dứt hạnh chánh tức vô tội.

Học đạo thường quán nơi tự tánh,

Thì với chư Phật đồng một loại.

Tổ Sư truyền pháp đốn ngộ này,

Nguyện cùng kiến tánh đồng nhất thể.

Nếu muốn tương lai ngộ pháp thân,

Lià các pháp tướng tâm trong sạch.

Cố gắng tu hành chớ nhởn nhơ,

Hậu niệm thoạt dứt một đời tiêu,

Muốn ngộ đại thừa thấy tự tánh,

Kính lễ Tri Thức chí tâm cầu. (Cầu nơi chẳng cầu gọi là chí tâm cầu.)

Sư bảo: Thiện tri thức, cần phải theo tụng này tu hành, ngay nơi đó được KIẾN TÁNH, dù cách xa ta ngàn dặm mà thường như ở bên cạnh ta, nếu ngay nơi đó chẳng ngộ, dẫu cho đối diện cũng như cách xa ngàn dặm, uổng công từ xa đến đây. Các ngươi ra về bình yên. Đại chúng nghe pháp đều được tỉnh ngộ, hoan hỷ phụng hành.

PHÁP BẢO ĐÀN KINH

Lục Tổ Huệ Năng

Dịch và Lược Giải Tỳ Kheo Thích Duy Lực

--- o0o ---

Phẩm Cơ Duyên Thứ Bẩy

Sư đắc Pháp ở Huỳnh Mai rồi về làng Tào Hầu tỉnh Thiều Châu, dân chúng chẳng ai biết đến. Lúc ấy có một nhà nho tên Lưu Chí Lược, đối đãi với Sư rất cung kính, Chí Lược có người cô xuất gia làm Ni, pháp danh Vô tận Tạng, thường tụng Kinh Đại Niết Bàn. Sư nghe qua một lần liền biết diệu nghiã của kinh, nên vì Ni giải thuyết. Ni cầm Kinh hỏi chữ, Sư nói: Hỏi nghiã thì được, hỏi chữ thì chẳng biết." Ni nói: Chữ còn chưa biết, làm sao hiểu nghiã? Sư nói: Diệu lý của chư Phật chẳng dính dáng với văn tự. Ni ngạc nhiên kính phục, nói khắp các bậc kỳ lão trong làng: Đây là người có đạo, rất nên cúng dường. Lúc ấy có cháu chắt của Võ Hầu đời Ngụy tên Tào Thúc Lương, cùng với dân chúng trong làng tấp nập đến chiêm ngưỡng kính lễ.

Thời ấy Bảo Lâm Cổ Tự đã bị hư phế do binh loạn từ cuối đời nhà Tùy, nay xây dựng lại ngôi chùa rồi rước Sư về ở. Chẳng bao lâu dân chúng đến đông, thành nơi trang nghiêm. Sư ở đấy được hơn chín tháng, lại bị bọn ác tìm đến, Sư trốn lên núi, bị bọn họ đốt cháy rừng núi, Sư chen thân ẩn trong kẽ đá được khỏi. Nay trên đá có dấu ngồi kiết già và dấu vằn y của Sư; người đời sau gọi đá ấy là đá tỵ nạn. Sư nhớ lời dặn của Ngũ Tổ là phải ẩn nơi hai ấp Hoài, Hội, bèn về đấy ở ẩn.

Tăng Pháp Hải, người ở Khúc Giang tỉnh Thiều Châu, tham vấn Tổ Sư, hỏi: Thế nào là tức tâm tức Phật? xin Hoà Thượng chỉ dạy. Sư nói: Niệm trước chẳng sanh tức tâm, niệm sau chẳng diệt tức Phật; lập tất cả tướng tức tâm, lià tất cả tướng tức Phật. Nếu ta nói cho đủ thì trọn kiếp cũng chẳng hết, hãy nghe kệ đây:

Tức tâm danh huệ,

Tức Phật nãi định.

Định huệ đẳng trì,

Ý trung thanh tịnh.

Ngộ thử pháp môn,

Do như tập tánh

Dụng bổn vô sanh

Song tu thị chánh.

Dịch nghiã:

Tức tâm là huệ,

Tức Phật là định.

Định huệ song song (đẳng trì),

Nơi ý thanh tịnh.

Ngộ pháp môn này,

Do tập khí ngươi,

Dụng vốn vô sanh,

Song tu (định hue) là chánh.

Pháp Hải ngay nơi đó liền đại ngộ, tán thán bằng kệ rằng:

Tức tâm nguyên thị Phật,

Bất ngộ nhi tự khuất.

Ngã tri định huệ nhân,

Song tu ly chư vật.

Dịch nghiã:

Tức tâm vốn là Phật,

Chẳng ngộ là tự khuất (oan cho mình),

Ta biết nhân định huệ,

Song tu lià vạn pháp.

Tăng Pháp Đạt, người Hồng Châu, 7 tuổi xuất gia, thường tụng Kinh Pháp Hoa, đến lễ Tổ Sư mà đầu chẳng chấm đất. Sư quở rằng: Đảnh lễ mà chẳng chấm đất bằng như chẳng lễ, trong tâm ngươi tất có chất chứa một điều gì, ngày thường tu hạnh gì? Đáp: Niệm Kinh Pháp Hoa đã hết ba ngàn bộ. Sư nói: Dẫu cho ngươi tụng đến mười ngàn bộ, nếu ngộ được ý Kinh mà chẳng tự cho là thù thắng, mới đồng một hạnh với ta. Nay ngươi tự phụ cho đấy là sự nghiệp mà chẳng biết lỗi, hãy nghe kệ đây:

Lễ bổn chiết mạn tràng,

Đầu hề bất chí địa?

Hữu ngã tội tức sanh,

Vong công phước vô tỷ.

Dịch nghiã:

Lễ vốn trừ ngã mạn,

Đầu sao chẳng chấm đất?

Có ngã tội liền sanh,

Quên công, phước vô tận.

Sư lại hỏi: Ngươi tên gì? Đáp: Tên là Pháp Đạt. Sư nói: Ngươi tên Pháp Đạt, đâu từng đạt pháp. Lại nói kệ rằng:

Nhữ kim danh Pháp Đạt,

Cần tụng vị hưu hiết,

Không tụng đản tuần thanh,

Minh tâm hiệu Bồ Tát.

Nhữ kim hữu duyên cố,

Ngô kim vi nhữ thuyết.

Đản tính Phật vô ngôn,

Liên hoa tùng khẩu phát.

Dịch nghiã:

Ngươi tên gọi Pháp Đạt,

Siêng tụng chưa từng dứt,

Tụng suông chỉ theo tiếng,

Minh tâm gọi Bồ Tát.

Ngươi nay có nhân duyên,

Ta vì ngươi mà thuyết.

Hễ tin Phật vô ngôn.

(Chớ nên chấp ở ngôn ngữ. Vô ngôn: Phật thuyết Pháp 49 năm mà tự nói chẳng thuyết một chữ.)

Lời Phật từ miệng phát.(Chớ nên chấp vào im lặng).

Đạt nghe kệ xong bèn tạ lỗi rằng: Từ nay trở đi sẽ khiêm tốn cung kính tất cả. Đệ tử tụng Kinh Pháp Hoa mà chưa hiểu nghiã Kinh, tâm thường có nghi, Hoà Thượng trí huệ mênh mông, xin nói sơ lược nghiã lý của Kinh. Sư nói: Pháp Đạt, pháp vốn thông đạt, chỉ tại tâm ngươi chẳng đạt. Kinh vốn chẳng nghi, tâm ngươi tự nghi. Ngươi niệm Kinh này lấy gì làm tông chỉ? Đạt nói: Đệ tử căn tánh ngu độn, xưa nay chỉ biết y văn niệm tụng, chẳng biết tông chỉ. Sư nói: Ta chẳng biết chữ, ngươi lấy Kinh tụng thử một bộ, ta sẽ giải thuyết cho. Pháp Đạt liền lên tiếng tụng Kinh, đến Phẩm Thí Dụ, Sư nói: Hãy

ngừng, Kinh này vốn lấy nhân duyên xuất thế làm tông chỉ, dù nói nhiều thí dụ cũng chẳng ngoài việc này. Thế nào là nhân duyên? Kinh nói: Chư Phật Thế Tôn vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trên đời. Một đại sự tức là TRI KIẾN PHẬT vậy. Người đời ngoài mê chấp tướng, trong mê chấp không, nếu được ở nơi tướng mà lià tướng, nơi không mà lià không, tức là trong ngoài chẳng mê. Nếu ngộ pháp này, ngay trong một niệm tâm liền sáng tỏ, ấy là khai ngộ TRI KIẾN PHẬT vậy. Phật tức là GIÁC, chia làm bốn cửa: Khai GIÁC TRI KIẾN, Thị GIÁC TRI KIẾN, Ngộ GIÁC TRI KIẾN, Nhập GIÁC TRI KIẾN. Nếu nghe khai thị liền được ngộ nhập tức là GIÁC TRI KIẾN, do đó bổn lai chơn tánh liền được hiển hiện. Ngươi nên cẩn thận, chớ hiểu lầm ý Kinh, nghe nói: khai thị ngộ nhập bèn cho là tri kiến của Phật (tha Phật) chẳng có phần mình; nếu hiểu như thế là phỉ báng Kinh Phật vậy. Đã nói là Phật thì TRI KIẾN PHẬT đã sẵn đầy đủ, đâu cần phải khai thị nữa! Ngươi phải tin rằng, nói tri kiến Phật là ở nơi tự tâm của ngươi, chẳng phải Phật bên ngoài. Bởi vì tất cả chúng sanh tự che khuất ánh sáng của tự tánh, tham ái cảnh trần, phan duyên bên ngoài, nhiễu loạn bên trong, cam chịu trần lao hành hạ, làm nhọc Đức Thế Tôn từ chánh định ra, khổ tâm khuyên dạy bằng đủ mọi cách, khiến ngừng nghỉ các duyên, chớ nên hướng ngoại tìm cầu, tức chẳng khác với Phật, nên nói là khai tri kiến Phật. Ta cũng khuyên tất cả mọi người nên thường khai tri kiến Phật nơi tự tâm. Người đời tâm tà, ngu mê tạo tội, miệng lành tâm ác, tham sân ganh tỵ, gièm siểm, nịnh bợ, ngã mạn, hiếp người, hại vật, tự khai tri kiến chúng sanh. Nếu được trong tâm ngay thẳng, thường sanh trí huệ chiếu soi tự tâm, dứt ác làm lành, tức là tự khai tri kiến Phật vậy. Ngươi nên niệm niệm khai tri kiến Phật, chớ khai tri kiến chúng sanh. Khai tri kiến Phật tức là xuất thế, khai tri kiến chúng sanh tức là thế gian. Nếu ngươi chỉ luôn luôn lấy công phu tụng niệm làm thời khoá, chẳng khác nào con mao ngưu tiếc đuôi! (con mao ngưu có đuôi rất đẹp, gặp thợ săn chỉ giấu đuôi mà không giấu đầu.) Đạt nói: Nếu như vậy tức là chỉ cần hiểu nghiã, chẳng cần tụng kinh sao? Sư nói: Kinh có lỗi gì, đâu làm chướng niệm của ngươi! Chỉ vì mê ngộ tại người, tổn ích do

mình mà thôi. Miệng niệm tâm hành tức là chuyển được Kinh, miệng niệm tâm chẳng hành tức bị Kinh chuyển. Hãy nghe kệ đây:

Tâm mê Pháp Hoa chuyển,

Tâm ngộ chuyển Pháp Hoa.

Tụng Kinh cữu bất minh,

Dữ nghiã tác thù gia.

Vô niệm niệm tức chánh,

Hữu niệm niệm thành tà.

Hữu vô câu bất kế,

Trường ngự bạch ngưu xa.

Dịch nghiã:

Tâm mê Pháp Hoa chuyển,

Tâm ngộ chuyển Pháp Hoa.

Tụng lâu chẳng hiểu thấu,

Nghịch ý nghiã trong Kinh.

Vô niệm (không chấp thật) niệm tức chánh,

Hữu niệm (có chấp thật) niệm thành tà.

Hữu vô đều chẳng chấp,

Tự tánh luôn luôn hiện.

Đạt nghe xong thoạt chảy nước mắt, ngay nơi đó khai ngộ, nói với Sư: Pháp Đạt xưa nay thật chưa từng chuyển Pháp Hoa, lại bị Pháp Hoa chuyển. Lại hỏi: Kinh nói: Chư Đại Thanh Văn cho đến Bồ Tát, tất cả tận tâm suy lường đều chẳng thể đo lường được trí Phật. Nay khiến phàm phu chỉ ngộ được tự tâm thì gọi là tri kiến Phật, tự mình đã chẳng

phải là bậc thượng căn, nên chẳng khỏi nghi ngờ. Kinh lại nói ba loại xe: xe nai, xe dê và xe trâu, có gì khác biệt? Xin Hoà Thượng chỉ dạy thêm. Sư nói: Ý Kinh rõ ràng minh bạch, ngươi tự mê trái. Người tam thừa chẳng thể suy lường được trí Phật, lỗi tại suy lường vậy. Dẫu cho ngươi tận sức suy lường, chỉ là càng thêm xa xôi mà thôi. Phật thuyết pháp vốn vì phàm phu mà thuyết, chẳng vì Phật thuyết; lý này nếu chẳng chịu tin thì cũng như năm ngàn người từ trên hội Pháp Hoa lui ra, mà chẳng biết đã ngồi sẵn trên xe trâu (Phật tánh vốn sẵn có), mà lại tìm kiếm ba xe (tam thừa) bên ngoài. Huống trong Kinh rõ ràng chỉ ra cho người: chỉ duy nhất một Phật thừa, chẳng còn thừa nào khác, nói có hai thừa ba thừa, cho đến vô số phương tiện, mọi thứ nhân duyên, lời nói thí dụ, pháp ấy đều vì nhất Phật thừa mà tạm lập. Ngươi sao chẳng tỉnh ngộ, nói ba xe là giả thiết, vì đời xưa mà nói, nhất thừa là thật, vì đời nay mà nói; chỉ bảo ngươi bỏ giả trở về thật, trở về thật rồi thật cũng chẳng chấp. Phải biết tất cả châu báu tài vật đều thuộc về ngươi, do ngươi thọ dụng, chẳng phải là của cha, cũng chẳng phải là của con, cũng chẳng khởi dụng tưởng, ấy gọi là trì Kinh Pháp Hoa, trì Kinh như thế từ kiếp này sang kiếp khác tay chẳng rời Kinh, từ sáng đến tối, chẳng dứt tụng niệm vậy.ế Pháp Đạt được Sư khai thị, mừng rỡ vô cùng, làm kệ tán thán rằng:

Kinh tụng tam thiên bộ,

Tào Khê nhất cú vong.

Vị minh xuất thế chỉ,

Ninh hiết lụy sanh cuồng.

Dương lộc ngưu quyền thiết,

Sơ trung hậu thiện dương.

Thùy tri hoả trạch nội,

Nguyên thị pháp trung vương.

Dịch nghiã:

Tụng Kinh ba ngàn bộ,

Bị Tổ một lời tiêu.

Chưa thấu đạo xuất thế,

Sao dứt lụy kiếp mê.

Dê, nai, trâu giả thiết (dê, nai, trâu = tiểu, trung, đại thừa).

Ba đoạn thiện quét sạch (1).

Ai ngờ trong nhà lửa,

Vốn là tự tánh Phật.

Sư nói: Ngươi sau này mới được gọi là ông Tăng tụng Kinh vậy. Pháp Đạt từ đó lãnh hội huyền chỉ, cũng chẳng dứt tụng Kinh.

GHI CHÚ:

(1) Ba đoạn thiện quét sạch: Mới phát thiện tâm là sơ thiện, chẳng chấp thiện tâm là trung thiện, không trụ nơi chẳng chấp là hậu thiện, luôn cả cái tri giải biết về sự không trụ nơi chẳng chấp cũng tiêu là quét sạch.

Tăng Trí Thông, người ở An Phong tỉnh Thọ Châu, xem Kinh Lăng Già hơn ngàn lần mà chẳng hiểu thế nào là tam thân tứ trí, đến lễ Sư xin giải thuyết cho, Sư nói: Tam thân ấy là: Thanh Tịnh Pháp Thân, tức là tánh của ngươi; Viên Mãn Báo Thân là trí của ngươi; Thiên Bá Ức Hoá Thân là hạnh của ngươi vậy. Nếu lìa bản tánh mà nói tam thân, ấy gọi là có thân mà vô trí, nếu ngộ được tam thân vốn chẳng tự tánh, tức gọi là tứ trí bồ đề. Hãy nghe kệ đây:

Tự tánh cụ tam thân,

Phát minh thành tứ trí.

Bất ly kiến văn duyên,

Siêu nhiên đăng Phật địa.

Ngô kim vi nhữ thuyết.

Đế tín vĩnh vô mê.

Mạc học trì cầu giả,

Chung nhựt thuyết bồ đề.

Dịch nghiã:

Tự tánh đủ tam thân

Khai ngộ thành tứ trí.

Chẳng lià sự thấy nghe,

Đốn siêu địa vị Phật.

Ta nay vì ngươi thuyết,

Tin chắc trọn chẳng mê.

Chớ học kẻ tìm cầu,

Suốt ngày nói bồ đề.

Thông lại hỏi: Cái nghiã của tứ trí có thể nghe được chăng?

Sư nói: Đã hiểu tam thân, tức rõ tứ trí, sao còn hỏi nữa! Nếu lià tam thân mà nói tứ trí, ấy gọi là có trí mà chẳng có thân, dẫu cho có trí cũng trở thành vô trí. Lại nói kệ rằng:

Đại viên cảnh trí tánh thanh tịnh,

Bình đẳng tánh trí tâm vô bệnh.

Diệu quan sát trí kiến phi công,

Thành sở tác trí đồng viên cảnh.

Ngũ bát lục thất quả nhân chuyển,

Đản dụng danh ngôn vô thật tánh.

Nhược kim chuyển xứ bất lưu tình,

Phiền hưng vĩnh xứ Na Già định.

Dịch nghiã:

Đại viên cảnh trí tánh thanh tịnh,

Bình đẳng tánh trí tâm chẳng bệnh.

Diệu quan sát trí chẳng tác ý. (Sự thấy của diệu quan sát trí chẳng cần tác ý)

Thành sở tác trí đồng viên cảnh.

Ngũ, bát, lục, thất quả nhân chuyển,

Chỉ dùng tên gọi chẳng thật tánh.

Nếu ngay nơi chuyển chẳng dính mắc,

Ở chỗ náo động cũng đại định.

Như thế là chuyển thức thành trí.

Trong giáo môn chuyển tiền ngũ thức làm Thành Sở Tác Trí; chuyển thức thứ sáu thành Diệu Quan Sát Trí, chuyển thức thứ bảy thành Bình Đẳng Tánh Trí, chuyển thức thứ tám thành Đại Viên Cảnh Trí. Dù thức thứ sáu, bảy là trong nhân chuyển, thức thứ năm, tám là trên qủa chuyển, nhưng chỉ chuyển cái tên gọi mà chẳng chuyển cái thể vậy. Trí Thông đốn ngộ tánh trí, bèn trình kệ rằng:

Tam thân nguyên ngã thể,

Tứ trí bổn tâm minh,

Thân trí dung vô ngại,

Ứng vật nhậm tùy hình.

Khởi tu giai vọng động,

Thủ trụ phi chơn tinh.

Diệu chỉ nhân sư hiểu,

Chung vong nhiễm ô danh.

Dịch nghiã:

Thể ta sẵn tam thân,

Bản tâm đủ tứ trí.

Thân trí dung lẫn nhau,

Tiếp vật tùy cơ ứng.

Mống tâm tu là vọng,

Giữ yên cũng chẳng chơn.

Nhờ Sư thấu diệu chỉ,

Chẳng còn kẹt danh tướng.

Tăng Trí Thường, người ở Quí Khê tỉnh Tín Châu, xuất gia lúc còn nhỏ tuổi, quyết chí cầu kiến tánh. Một hôm đến tham lễ, Sư hỏi: Ngươi từ đâu đến, muốn cầu việc gì? Đáp: Đệ tử gần đây đến núi Bạch Phong ở Hồng Châu lễ Hoà Thượng Đại Thông, nhờ chỉ dạy cái diệu nghiã kiến tánh thành Phật, nhưng chưa hết nghi ngờ, nên từ xa đến đảnh lễ, mong Hoà Thượng khai thị. Sư hỏi: Hoà Thượng Đại Thông nói thế nào? Ngươi thử nói xem. Đáp: Trí Thường đến đó trải qua ba tháng chưa được chỉ dạy, trong lòng tha thiết vì Pháp, nên một hôm vào trượng thất hỏi Thế nào là bản tâm bản tánh của Trí Thường? Hòa Thượng hỏi: Ngươi thấy hư không chăng? Đáp: Thấy. Hỏi: Ngươi thấy hư không có tướng mạo chăng? Đáp: Hư không vô hình đâu có tướng mạo! Hòa Thượng nói: Bản tánh của ngươi cũng như hư không, chẳng có một vật để thấy gọi là chánh kiến, chẳng có một vật để biết gọi là chơn tri, chẳng có xanh vàng dài ngắn, chỉ thấy bổn nguyên thanh tịnh, giác thể sáng tròn, gọi là kiến tánh thành Phật, cũng gọi là tri kiến của Như Lai. Đệ tử dù nghe nói như vậy mà tâm còn chưa lãnh hội, xin Hoà Thượng khai thị. Sư nói: Cái thuyết của Đại Thông vẫn còn tri kiến nên khiến ngươi chẳng lãnh hội. Nay ta cho ngươi một bài kệ:

Bất kiến nhất pháp tồn vô kiến,

Đại tự phù vân giá nhựt diện,

Bất tri nhất pháp thủ không tri,

Hườn như thái hư sanh thiểm điện.

Thử chi tri kiến miết nhiên hưng,

Thố nhận hà tằng giải phương tiện.

Nhữ đương nhất niệm tự tri phi,

Tự kỷ linh quang thường hiển hiện.

Dịch nghiã:

Chẳng thấy một pháp thành vô kiến,

Như mây đen che khuất mặt trời.

Chẳng biết một pháp thành vô tri,

Lại như hư không sanh điện chớp.

Như thế vẫn còn chấp tri kiến,

Nhận lầm chưa hiểu thấu phương tiện,

Ngươi phải trong niệm tự biết quấy,

Ánh sáng tự tánh thường hiển hiện.

Trí Thường nghe xong hoát nhiên tâm ngộ, bèn nói kệ rằng:

Vô đoan khởi tri kiến,Trước tướng cầu bồ đề.

Tình tồn nhất niệm ngộ.

Ninh việt tích thời mê.

Tự tánh giác nguyên thể,

Tùy chiếu uổng thiên lưu.

Bất nhập Tổ Sư thất,

Mang nhiên thú lưỡng đầu.

Dịch nghiã:

Khi không khởi tri kiến,

Chấp tướng cầu Bồ đề.

Tình chấp một niệm ngộ,

Khó siêu nhiều kiếp mê.

Bản thể tự tánh giác,

Tùy chiếu vọng lưu chuyển.

Chẳng vào thất Tổ sư,

Si mê chạy hai đầu. (Hai đầu: nhị biên, tức là biên kiến).

Một hôm Trí Thường hỏi Sư: Phật thuyết pháp tam thừa, lại thuyết tối thượng thừa là thế nào? Đệ tử chưa rõ, xin Thầy dạy bảo. Sư nói: Ngươi chỉ nên tự xét bản tâm, chớ chấp trước pháp tướng bên ngoài, pháp chẳng bốn thừa, tâm ngươi tự có sai biệt: Thấy nghe tụng niệm là tiểu thừa; ngộ pháp hiểu nghiã là trung thừa; y pháp tu hành là đại thừa; vạn pháp thông đạt, vạn pháp đầy đủ, tất cả chẳng nhiễm, lià các pháp tướng, trọn vô sở đắc, gọi là tối thượng thừa. Thừa nghiã là hành, chẳng ở nơi tranh biện, ngươi nên tự tu, chớ hỏi ta vậy, trong bất cứ lúc nào, tự tánh tự như như. Trí Thường lễ tạ, làm thị giả trọn đời Sư.

Tăng Chí Đạo, người Nam Hải tỉnh Quảng Châu, đến xin chỉ dạy: Đệ tử từ lúc xuất gia đến nay, xem Kinh Niết Bàn đã hơn mười năm nhưng chưa rõ đại ý, xin Hoà Thượng chỉ dạy. Sư hỏi: Ngươi chưa rõ chỗ nào? Chí Đạo nói: Các hạnh vô thường là pháp sanh diệt, sanh diệt diệt xong, tịch diệt làm vui (lạc đức). Đệ tử nghi ngờ chỗ nầy. Sư hỏi:

Ngươi nghi ngờ cái gì? Đáp: Tất cả chúng sanh có hai thân, gọi là sắc thân và pháp thân. Sắc thân vô thường, có sanh có diệt, pháp thân có thường, chẳng tri chẳng giác. Kinh nói sanh diệt diệt xong, tịch diệt làm vui, chẳng biết thân nào tịch diệt, thân nào được vui? Nếu nói sắc thân được vui, sắc thân lúc diệt thì tứ đại tan rã, toàn thể là khổ, khổ chẳng thể nói là vui. Nếu pháp thân tịch diệt thì đồng như cây cỏ ngói đá, ai mà được vui? Lại pháp tánh là cái thể của sanh diệt, ngũ uẩn là dụng của sanh diệt, một thể năm dụng, sanh diệt là thường, sanh thì từ thể khởi dụng, diệt thì nhiếp dụng trở về thể. Nếu cho sanh nữa tức là loài hữu tình chẳng đoạn chẳng diệt; nếu chẳng cho sanh nữa thì vĩnh viễn tịch diệt, đồng với loài vô tình, như thế thì tất cả các pháp đều bị Niết Bàn ngăn cấm, sanh còn chẳng được, có gì là vui? Sư nói: Ngươi là Phật tử, sao lại học tà kiến ngoại đạo, chấp đoạn chấp thường mà luận bàn pháp tối thượng thừa! Theo lời ngươi nói thì ngoài sắc thân lại có pháp thân, lià sanh diệt cầu nơi tịch diệt, lại cho thường đức, lạc đức của Niết Bàn là có thân để thọ dụng, ấy đều là mê chấp và ham tiếc sanh tử, đam mê sự vui của thế gian. Ngươi nay nên biết, Phật vì tất cả người mê, nhận lầm ngũ uẩn hoà hợp là tướng tự thể, lầm cho tất cả pháp là tướng ngoại trần, tham sống sợ chết, niệm niệm trôi lăn trong lục đạo, chẳng biết đều như mộng huyễn hư giả, uổng chịu luân hồi, đem thường đức, lạc đức của Niết Bàn trở thành tướng khổ, suốt ngày tìm cầu. Phật vì thương xót cho những người này, nên khai thị chơn lạc của Niết Bàn, sát na chẳng có tướng sanh, sát na chẳng có tướng diệt, cũng chẳng có sanh diệt để diệt, ấy tức là tịch diệt hiện tiền. Đang lúc hiện tiền, cũng chẳng có số lượng hiện tiền, nghiã là chẳng có một tí khái niệm nào về không gian, thời gian, và số lượng của tịch diệt hiện tiền, mới gọi là thường đức, lạc đức, nghiã là chơn vui. Vui này chẳng có kẻ thọ dụng, cũng chẳng có kẻ không thọ dụng, há có cái tên gọi một thể năm dụngế sao! Huống là còn nói Niết Bàn ngăn cấm các pháp khiến cho chẳng sanh, ấy là phỉ báng Phật pháp. Hãy nghe kệ đây:

Vô thượng Đại Niết Bàn,

Viên minh thường tịch chiếu.

Phàm ngu vị chi tử,

Ngoại đạo chấp vi đoạn.

Chư cầu nhị thừa nhân.

Mục dĩ vi vô tác.

Tận thuộc tình sở kế,

Lục thập nhị kiến bản.

Vọng lập hư giả danh,

Hà vi chơn thật nghiã.

Duy hữu quá lượng nhơn,

Thông đạt vô thủ xả.

Dĩ tri ngũ uẩn pháp,

Cập dỉ uẩn trung ngã,

Ngoại hiện chúng sắc tượng,

Nhất nhất âm thanh tướng,

Bình đẳng như mộng huyễn,

Bất khởi phàm thánh kiến,

Bất tác Niết Bàn giải,

Nhị biên tam tế đoạn.

Thường ứng chư căn dụng,

Nhi bất khởi dụng tưởng.

Phân biệt nhất thiết pháp,

Bất khởi phân biệt tưởng.

Kiếp hỏa thiêu hải để,

Phong cổ sơn tương kích.

Chơn thường tịch diệt lạc,

Niết Bàn tướng như thị.

Ngô kim cưỡng ngôn thuyết,

Linh nhữ xã tà kiến.

Nhữ vật tuỳ ngôn giải,

Hứa nhữ tri thiểu phần.

Dịch nghiã:

Vô thượng đại Niết Bàn,

Sáng tròn thường tịch chiếu,

Phàm phu gọi là chết,

Ngoại đạo chấp đoạn diệt.

Những người tu nhị thừa,

Cho đó là vô tác.

Thảy đều do tình thức,

Sáu mươi hai kiến chấp. (1)

Vọng lập tên hư giả,

Đâu phải nghiã chơn thật.

Chỉ có người kiến tánh,

Thông đạt chẳng lấy bỏ,

Vì biết pháp ngũ uẩn.

Với cái ngã trong uẩn,

Cả hiện tượng thế giới,

Mỗi sắc tướng âm thanh,

Bình đẳng như mộng huyễn,

Chẳng phân biệt thánh phàm,

Chẳng cho là Niết Bàn.

Nhị biên tam tế dứt. (Nhị biên: đối đãi biên kiến; tam tế: quá khứ hiện tại, vị lai).

Thường ứng các căn dụng, (2)

Mà chẳng khởi dụng tưởng,

Phân biệt tất cả pháp, (3)

Chẳng khởi phân biệt tưởng.

Niết Bàn vốn phi vật,

Lửa gió đụng chẳng được.

Chơn vui thường tịch diệt,

Tướng Niết Bàn như thế,

Nay ta gượng nói ra,

Khiến ngươi bỏ tà kiến.

Chớ hiểu theo lời nói,

Mới cho biết ít phần.

Chí Đạo nghe xong đại ngộ, vui mừng đảnh lễ lui ra.

GHI CHÚ : (1) 62 kiến chấp: Tứ cú x ngũ uẩn = 20, 20 x tam tế = 60, 60 + thêm Hữu và Vô (nguồn gốc của tất cả nhị biên đối đãi) = 62. Tất cả kiến chấp đều không ở ngoài 62 kiến chấp này.

(2) Thường ứng các căn dụng, mà chẳng khởi dụng tưởng: Thường ứng là tả sự dụng của tự tánh chẳng tác ý, như bóng hiện trong gương, luôn luôn như thế. Ví như dùng cơm chỉ là dùng cơm, chẳng có năng sở, nên nói Thường ứng các căn dụng, mà chẳng khởi dụng tưởng. Còn dụng tưởng thì có tác ý, nên có năng sở, cho ta là năng dùng, cơm là sở dùng.

(3) Phân biệt tất cả pháp, chẳng khởi phân biệt tưởng: Phân biệt tất cả pháp mà chẳng tác ý ví như cơm chỉ là cơm, nước chỉ là nước, còn phân biệt tưởng là có tác ý, nên có cơm ngon cơm dở, nước trong nước đục.

Hành Tư Thiền Sư, họ Lưu, sanh ở An Thành, tỉnh Kiết Châu. Nghe nói Tào Khê giáo pháp thịnh hành, bèn đến tham lễ, hỏi: Nên làm việc gì để khỏi lọt vào giai cấp? Sư hỏi: Ngươi đã từng làm việc gì? Đáp: Thánh đế cũng chẳng làm. Sư hỏi: Lọt vào giai cấp nào? Đáp: Thánh đế còn chẳng làm, giai cấp nào mà có! Sư rất trọng, cho là pháp khí, cho làm quản chúng. Một hôm Sư nói: Ngươi nên hoá độ một nơi, chớ cho đoạn dứt giáo pháp đốn ngộ này. Hành Tư Thiền Sư đã đắc pháp, bèn về núi Thanh Nguyên ở Kiết Châu hoằng pháp, sau được vua sắc phong, hiệu là Hoằng Tế Thiền Sư.

Hoài Nhượng Thiền Sư, họ Đỗ ở Kim Châu. Lúc ban đầu đến lễ An Quốc Sư ở Tung Sơn, An Quốc Sư sai đến Tào Khê tham vấn. Nhượng đến lễ bái. Sư hỏi: Từ đâu đến? Đáp: Tung Sơn. Sư hỏi:Cái vật gì mà đến như vậy? Nhượng trả lời chẳng được, nổi nghi tình trải qua tám năm, sau nói với Sư: Nói tựa như một vật thì chẳng đúng. Sư hỏi: Còn có thể tu chứng chăng? Đáp: Tu chứng thì chẳng phải không, ô nhiễm thì chẳng thể được. Sư ấn chứng rằng: Chỉ cái chẳng ô nhiễm này chư Phật đều hộ niệm, ngươi đã như vậy, ta cũng như vậy. Nhượng hoát nhiên đại ngộ, bèn làm thị giả bên Sư mười lăm năm, ngày càng thấu triệt huyền chỉ thâm sâu. Sau đến núi Nam Nhạc, rộng truyền Thiền Tông, được vua sắc phong, hiệu Đại Huệ Thiền Sư.

Vĩnh Gia Huyền Giác Thiền Sư, họ Đới quê ở Ôn Châu. Thuở nhỏ tu học Kinh Luận, chuyên về pháp môn chỉ quán của Thiên Thai Tông, nhân xem Kinh Duy Ma Cật phát

minh tâm địa (kiến tánh). Bỗng gặp đệ tử của Sư là Huyền Sách đến thăm, luận đàm với nhau; thấy lời nói của Huyền Giác khế hợp với Chư Tổ, Huyền Sách hỏi: Thượng Tọa đắc pháp nơi Thầy nào? Đáp: Tôi nghe giảng Kinh Luận Đại Thừa, mỗi mỗi đều có Thầy truyền thừa, sau xem Kinh Duy Ma Cật ngộ tự tâm Phật, nhưng chưa có Thầy ấn chứng. Huyền Sách nói: Trước thời Phật Oai Âm Vương thì được, sau thời Phật Oai Âm Vương, không Thầy mà tự ngộ, ấy đều là thiên nhiên ngoại đạo. Giác nói: Vậy xin nhờ Thượng Tọa vì tôi ấn chứng. Sách nói: Lời tôi chẳng đáng kể, ở Tào Khê nay có Lục Tổ Đại Sư, các nơi đều tụ tập đến đó để thọ pháp, hễ đi thì cùng nhau đi. Huyền Giác bèn cùng với Huyền Sách đến tham vấn. Khi đến gặp Sư, Huyền Giác đi nhiễu ba vòng rồi đứng lại chống tích trượng. Sư nói: Bậc Sa môn phải đầy đủ ba ngàn oai nghi, tám vạn tế hạnh, Đại Đức từ đâu đến mà sanh đại ngã mạn! Giác đáp: Sanh tử việc lớn, vô thường nhanh chóng.Sư nói: Sao chẳng thể cứu (tham cứu) cái pháp vô sanh, liễu ngộ cái chẳng nhanh chóng ấy ư? Đáp: Thể tức vô sanh, liễu vốn chẳng chóng. Sư bèn ấn chứng: Đúng thế, đúng thế! Lúc bấy giờ Huyền Giác mới trang nghiêm lễ bái, giây lát sau liền từ giã. Sư nói: Sao về chóng thế? Đáp: Tự vốn chẳng động, há có chóng sao?" Sư hỏi: Ai biết chẳng động? Đáp: Hoà Thượng tự sanh phân biệt. Sư nói: Ngươi thật được ý vô sanh. Đáp: Vô sanh há có ý sao? Sư hỏi: Không ý ai biết phân biệt? Đáp: Phân biệt cũng chẳng tác ý. Sư nói: Lành thay! Hãy ở lại một đêm. Người thời ấy tôn Huyền Giác là Nhất Túc Giác. Về sau Giác soạn bài Chứng Đạo Ca thịnh hành khắp thế gian. Sau được sắc phong là Vô Tướng Đại Sư, người đời tôn là Chơn Giác.

Thiền Giả Trí Hoàng, tham học với Ngũ Tổ, tự cho mình đã được chánh thọ (chánh định), bèn chấp ngồi mãi trong am hơn hai mươi năm. Đệ tử của Sư là Huyền Sách hành cước đến Hà Bắc, nghe tên Trí Hoàng, liền đến am hỏi thăm. Ông ở đây làm gì? Hoàng nói: Nhập định. Sách hỏi: Ông nói nhập định, là có tâm nhập hay là không tâm nhập? Nếu nói không tâm nhập thì tất cả loài vô tình, cây cối ngói đá đều phải được định; nếu nói có tâm nhập thì tất cả loài hữu tình cũng đều được định. Hoàng nói: Ta đang lúc nhập định chẳng thấy có cái tâm CÓ và KHÔNG. Sách nói: Chẳng thấy có cái tâm CÓ

và KHÔNG tức là thường định, đâu có xuất nhập? Hễ có xuất nhập thì chẳng phải đại định. Hoàng không trả lời được, một lúc sau mới hỏi: Thượng Tọa nối pháp ai? Sách nói: Thầy tôi là Tào Khê Lục Tổ Đại Sư. Hoàng hỏi: Lục Tổ lấy gì làm thiền định? Sách nói: thầy tôi nói: tự tánh huyền diệu trạm nhiên, viên tròn tịch diệt, thể dụng như như, ngũ uẩn vốn không, lục trần phi thật, chẳng xuất chẳng nhập, chẳng định chẳng loạn, tánh thiền vô trụ, chẳng trụ nơi thiền tịch, tánh thiền vô sanh, chẳng khởi thiền tưởng (chẳng tác ý cho là thiền), tâm như hư không, cũng chẳng có cái số lượng của hư không. Hoàng nghe nói như vậy bèn đến lễ Sư. Sư hỏi: Thượng Tọa từ đâu đến? Hoàng thuật lại nhân duyên gặp Huyền Sách. Sư nói: Thật đúng như Huyền Sách nói. Ngươi hễ tâm như hư không, chẳng chấp vào không, ứng dụng vô ngại, động tịnh vô tâm (chẳng tác ý), thánh phàm đều quên, năng sở đều diệt, tánh tướng như như, thì không lúc nào chẳng phải định vậy. Trí Hoàng do đó đại ngộ, cái tâm sở đắc từ hai mươi năm đến nay đều tan rã chẳng còn hình bóng. Sau từ giã Sư về nơi Hà Bắc hoằng pháp, khai hoá tứ chúng.

Có một đồng tử tên là Thần Hội, họ Cao, ở Tương Dương. Lúc mười ba tuổi từ chùa Ngọc Tuyền đến tham lễ. Sư nói: Tri thức từ xa đến khổ nhọc, có đem theo cái bản lai đến chăng? Nếu có bản lai thì phải biết chủ nhơn, thử nói xem! Hội đáp: Lấy vô trụ làm bản, cái thấy tức là chủ. Sư nói: Sa di này hay nói càn! Hội lại hỏi: Hoà Thượng toạ thiền thấy hay chẳng thấy? Sư cầm cây gậy đánh cho ba cái, hỏi: Ta đánh ngươi có đau hay chẳng đau? Đáp: Cũng đau cũng không đau. Sư nói: Ta cũng thấy cũng chẳng thấy! Hỏi:Thế nào là cũng thấy cũng chẳng thấy? Sư nói: Cái thấy của ta, thường thấy lỗi của tự tâm, chẳng thấy phải quấy tốt xấu của người, cho nên cũng thấy cũng chẳng thấy. Ngươi nói cũng đau cũng chẳng đau là thế nào? Nếu chẳng đau thì đồng với cỏ đá, nếu đau thì đồng với phàm phu, liền khởi sân hận. Ngươi vừa hỏi thấy, không thấy là nhị biên (đối đãi), nói đau, không đau là sanh diệt, tự tánh ngươi còn chẳng tự thấy mà dám đùa người khác! Thần Hội bèn lễ bái cầu xin sám hối. Sư lại nói: Ngươi nếu tâm mê chẳng thấy, cần phải hỏi thiện tri thức để chỉ đường, ngươi nếu tâm ngộ tức tự thấy tánh, phải y pháp tu hành. Nay ngươi mê chẳng thấy tự tâm, lại đến hỏi ta thấy hay không

thấy, ta thấy tự ta biết, chẳng dính dáng cái mê của ngươi, ngươi nếu tự thấy, cũng chẳng dính dáng cái mê của ta, sao chẳng tự thấy tự biết, mà lại hỏi ta thấy hay chẳng thấy! Thần Hội lại lễ thêm hơn trăm lạy, xin sám hối tội lỗi, ân cần hầu hạ bên Sư chẳng rời. Một hôm Sư bảo chúng: Ta có một vật, chẳng đầu chẳng đuôi, chẳng danh chẳng tự, chẳng lưng chẳng mặt, các ngươi có biết chăng? Thần Hội bèn ra nói: Ấy là bổn nguyên của chư Phật, Phật tánh của Thần Hội. Sư nói: Đã nói với ngươi là chẳng danh chẳng tự, ngươi bèn gọi là bổn nguyên Phật tánh, ngươi sau này dẫu cho có ra hoằng pháp cũng chỉ thành một môn đồ tri giải mà thôi. Sau khi Lục Tổ viên tịch, Thần Hội vào trong Kinh thành Lạc Dương, rộng truyền đốn giáo của Tào Khê, soạn bộ Hiển Tông Ký, thịnh hành nơi đời, hiệu là Hà Trạch Thiền Sư.

Tăng hỏi Sư: Ý chỉ của Huỳnh Mai người nào được? Sư đáp: Người hiểu Phật pháp được. Hỏi: Hoà Thượng có được chăng? Đáp: Ta chẳng hiểu Phật pháp.

Một hôm, Sư muốn giặt cái y của Ngũ Tổ truyền thọ mà xung quanh không có suối tốt, nên đi đến cách sau chùa năm dặm, thấy có núi rừng xanh biếc, thoại khí vòng quanh (thoại khí là triệu chứng tốt lành hiện trên không khí, nhưng phải là người có pháp nhãn mới thấy được.) Sư dộng tích trượng xuống đất, nước suối ngay đó trào ra, chảy thành cái ao. Sư quỳ trên đá mà giặt y. Có vị Tăng ở Tây Thục tên là Phương Biện đến lễ Sư, Sư hỏi: Thượng Tọa làm nghề gì? Đáp: Thợ đắp tượng. Sư nghiêm mặt lại nói: Ngươi thử đắp ta xem! Biện ngơ ngác, qua mấy ngày sau đắp xong chơn tượng, cao bảy tấc, nét mặt tánh tình đều được tỏ bày khéo léo. Sư cười nói: Ngươi khéo tánh đắp tượng mà chẳng hiểu tánh Phật. Sư rờ đầu thọ ký, dặn phải trọn làm phước điền cho trời người; rồi lấy y mà trả công. Biện chia y làm ba phần: một phần đắp lên pho tượng, một phần tự giữ lấy, một phần lấy lá cây kè gói lại, xong chôn dưới đất, nguyện rằng: Cho tôi đời sau được y này, làm trụ trì nơi đây, xây dựng lại chùa chiền. Đến năm thứ tám, niên hiệu Gia Hữu đời Nhà Tống (1056-1063, cách đó 380 năm), có vị Tăng tên là Duy Tiên đến đó tu sửa lại chùa chiền, đào đất được y còn như mới. Pho tượng của Sư còn giữ ở chùa Cao Tuyền.

Có vị Tăng đem bài kệ của Ngọa Luân thiền sư lập lại với Sư, Kệ rằng:

Ngọa Luân hữu kỹ lưỡng,

Năng đoạn bá tư tưởng.

Đối cảnh tâm bất khởi,

Bồ đề nhựt nhựt trưởng.

Dịch nghiã:

Ngoạ Luân có bản lãnh,

Dứt được trăm tư tưởng.

Đối cảnh tâm chẳng khởi,

Bồ đề luôn luôn trưởng.

Sư nghe xong nói: Kệ này chưa rõ tâm địa, nếu theo đó mà hành thì lại thêm trói buộc. Do đó khai thị một bài kệ:

Huệ Năng một kỹ lưỡng,

Bất đoạn bá tư tưởng.

Đối cảnh tâm số khởi,

Bồ đề tác ma trưởng.

Dịch nghiã:

Huệ Năng không bản lãnh,

Chẳng dứt trăm tư tưởng.

Bồ đề làm sao trưởng!

PHÁP BẢO ĐÀN KINH

Lục Tổ Huệ Năng

Dịch và Lược Giải Tỳ Kheo Thích Duy Lực

--- o0o ---

Phẩm Đốn Tiệm Thứ Tám

Lúc Sư hoằng pháp tại chùa Bửu Lâm, Tào Khê, ở miền Nam, thì Thần Tú Đại Sư tại chùa Ngọc Tuyền, Kinh Nam, ở miền Bắc. Thời ấy hai tông thịnh hành, người đời xưng là Nam Năng, Bắc Tú, nên có Nam Bắc đốn tiệm hai tông, mà người học đạo chẳng biết tông chỉ của Nam Bắc như thế nào. Sư bảo chúng: Pháp vốn một tông mà người có Nam Bắc; pháp chỉ một thứ nhưng sự thấy có nhanh chậm. Sao gọi là đốn tiệm? Pháp chẳng đốn tiệm, theo căn tánh con người thì có lợi độn, nên gọi đốn tiệm. Nhưng đồ chúng của Thần Tú thường hay khinh chê Tổ Sư ở miền Nam là người chẳng biết chữ, đâu có gì hay? Thần Tú nói: Lục Tổ đắc Vô Sư Trí, triệt ngộ pháp tối thượng thừa, ta chẳng bằng được. Vả lại được Thầy ta Ngũ Tổ thân truyền y pháp, đâu phải khi không mà được! Ta tiếc chẳng thể đi xa để được thân cận, uổng chịu quốc ân. Các ngươi chớ bị kẹt nơi đây, nên đi đến Tào Khê để tham học. Một hôm, Thần Tú sai môn đồ Chí Thành: Ngươi thông minh có trí, hãy thay ta đến Tào Khê nghe pháp, tận tâm ghi nhớ các điều thấy nghe, về lập lại cho ta. Chí Thành vâng lời, bèn đến Tào Khê, theo chúng tham học mà chẳng nói từ chỗ nào đến. Lúc đó Sư bảo chúng: Nay có kẻ trộm pháp đang ẩn trong hội này. Chí Thành bèn bước ra lễ bái, bạch rõ nguyên do. Sư nói: Ngươi từ Ngọc Tuyền đến tức là mật thám vậy. Đáp: Chẳng phải. Sư nói: Sao lại chẳng phải? Đáp: Lúc chưa nói ra thì phải, nói ra rồi thì chẳng phải. Sư hỏi: Thầy ngươi lấy gì để dạy chúng? Đáp: Thầy tôi thường khuyên dạy chúng trụ tâm quán tịnh, ngồi mãi chẳng nằm. Sư nói: Trụ tâm quán tịnh là bệnh chứ chẳng phải thiền, ngồi mãi là trói thân, với đạo có ích lợi gì? Hãy nghe kệ đây:

Sanh lai tọa bất ngọa,

Tử khứ ngọa bất tọa.

Nguyên thị xú cốt đầu,

Hà vi lập công khoá.

Dịch nghiã:

Lúc sống thì ngồi chẳng nằm,

Lúc chết thì nằm chẳng ngồi.

Vốn là đống xương hôi thúi,

Đâu thể thành lập công phu?

Chí Thành lại lễ Sư: Đệ tử ở nơi Thần Tú Đại Sư học đạo chín năm mà chẳng được khế ngộ, nay nghe Hoà Thượng một lời liền khế ngộ bản tâm. Sanh tử của đệ tử là việc lớn, xin Hoà Thượng từ bi chỉ dạy thêm. Sư nói: Ta nghe nói Thầy ngươi dạy người học pháp: giới, định, huệ; chẳng biết hành tướng giới định huệ như thê nào, hãy nói thử xem. Chí Thành nói: Thần Tú Đại Sư nói: những điều ác chớ làm gọi là giới, những điều lành phụng hành gọi là huệ, ý căn tự trong sạch gọi là định. Đại Sư dạy như thế, chưa biết Hoà Thượng lấy pháp gì để dạy người? Sư nói: Nếu nói có pháp dạy người ấy là dối ngươi, ta chỉ tuỳ theo căn cơ để mở trói, giả danh tam muội. Như giới định huệ của Thầy ngươi thật là bất khả tư nghì, giới định huệ của ta lại khác. Hỏi: Giới định huệ chỉ nên có một, sao lại có khác? Sư nói: Giới định huệ của Thầy ngươi độ người đại thừa, giới định huệ của ta tiếp người tối thượng thừa, chỗ ngộ giải chẳng đồng nên sự thấy có nhanh chậm. Hãy nghe ta nói, xem có giống Thầy ngươi chăng! Ta thuyết pháp chẳng lià tự tánh, lià tánh thuyết pháp, khiến cho tự tánh thường mê, ấy là tướng thuyết. Nên biết tất cả pháp đều từ tự tánh khởi dụng, ấy là chơn pháp của giới định huệ vậy. Hãy nghe kệ đây:

Tâm địa vô phi tự tánh giới,

Tâm địa vô si tự tánh huệ,

Tâm địa vô loạn tự tánh định.

Bất tăng bất giảm tự kim cang,

Thân khứ thân lai bổn tam muội.

Dịch nghiã:

Tâm địa chẳng quấy tự tánh giới,

Tâm địa chẳng si tự tánh huệ,

Tâm địa chẳng loạn tự tánh định.

Chẳng thêm chẳng bớt tự như như,

Thân đến thân đi vốn tam muội.

Chí Thành nghe xong cảm tạ, trình kệ rằng:

Ngũ uẩn huyễn thân,

Huyễn hà cứu cánh.

Hồi thú chơn như,

Pháp hườn bất tịnh.

Dịch nghiã:

Ngũ uẩn thân huyễn hoá,

Huyễn đâu có cứu cánh.

Trở về với chơn như,

Chấp pháp vẫn chẳng tịnh (chẳng thanh tịnh)

Sư cho là đúng, lại bảo Chí Thành: Giới định huệ của Thầy ngươi dạy người căn khí nhỏ, giới định huệ của ta dạy người căn khí lớn. Nếu ngộ được tự tánh, cũng chẳng lập Bồ Đề Niết Bàn, cũng chẳng lập giải thoát tri kiến, chẳng có một pháp có thể đắc, như thế mới được kiến lập vạn pháp. Nếu thấu lý này, cũng gọi là Bồ Đề Niết Bàn, cũng gọi

là giải thoát tri kiến. Người kiến tánh lập cũng được, chẳng lập cũng được, đi lại tự do, chẳng trệ chẳng ngại, cần dùng liền làm, cần nói liền đáp (làm và nói đều chẳng tác ý), khắp hiện hoá thân chẳng lià tự tánh, tức được thần thông tự tại, du hý tam muội, gọi là kiến tánh. Chí Thành lại bạch: Thế nào là nghiã Chẳng lập? Sư nói: Tự tánh chẳng quấy chẳng si chẳng loạn, niệm niệm quán chiếu Bát Nhã, thường lià pháp tướng, tự do tự tại, thuận nghịch đều được, có gì để lập? Tự tánh tự ngộ, đốn ngộ đốn tu, cũng chẳng thứ tự, cho nên chẳng lập tất cả pháp, các pháp tịch diệt, đâu có thứ lớp? Chí Thành lễ bái, nguyện làm thị giả hầu hạ sớm chiều.

Tăng Chí Triệt, họ Trương tên Hành Xương, người ở Giang Tây, thuở nhỏ tánh hào hiệp. Lúc ấy Nam Bắc chia ra hai tông, tuy Lục Tổ và Thần Tú Đại Sư không phân chia bỉ thử, nhưng đồ chúng lại cạnh tranh với nhau sanh lòng ưa ghét, mà môn đồ bên Bắc Tông tự lập Thần Tú làm Tổ thứ 6, lại sợ người đời biết được sự truyền y của Ngũ Tổ, nên sai Hành Xương đến ám sát Lục Tổ. Sư tâm thông đã biết việc này, bèn lấy mười lượng vàng để nơi ghế ngồi. Lúc tối Hành Xương lén vào thất muốn ám sát. Sư đưa cổ cho chém. Hành Xương cầm kiếm chém ba lần, chẳng gây vết thương. Sư nói: Chánh kiến (kiếm) chẳng tà, tà kiến (kiếm) chẳng chánh (theo Hán tự, chữ kiến với chữ kiếm khác chữ đồng âm, ở đây là một lời hai nghiã), chỉ nợ ngươi vàng, chẳng nợ ngươi mạng. Hành Xương kinh sợ ngã xỉu, một hồi lâu mới tỉnh dậy, ăn năn cầu xin sám hối, bèn xin xuất gia. Sư đưa vàng cho và dặn: Ngươi hãy đi, sợ đồ chúng biết được sẽ sát hại ngươi, để ngày khác ngươi thay đổi hình dạng rồi trở lại, ta sẽ cho thỏa nguyện. Hành Xương nghe lời, nửa đêm trốn đi, sau ở nơi khác xuất gia. Một hôm nhớ đến lời dặn của Sư, bèn từ xa đến tham lễ. Sư nói: Ta chờ ngươi đã lâu, sao đến trễ vậy? Hành Xương nói: Ngày trước được Hòa Thượng xá tội, nay dù xuất gia khổ hạnh, nhưng khó mà báo ơn, chỉ mong được Hoà Thượng truyền pháp để độ chúng sanh. Đệ tử xem Kinh Niết Bàn, chưa hiểu cái nghiã thường và vô thường, xin Hoà Thượng từ bi giải thích sơ lược. Sư nói: Vô thường tức Phật tánh, có thường tức cái tâm phân biệt tất cả pháp thiện ác vậy. Hành Xương nói: Lời của Hoà Thượng rất nghịch lời văn trong Kinh. Sư nói: Ta được truyền

tâm ấn Phật, đâu dám nghịch ý Kinh! Hành Xương nói: Kinh nói Phật tánh là thường, Hoà Thượng lại nói là vô thường. Các pháp thiện ác cho đến Bồ đề tâm đều là vô thường, Hoà Thượng lại nói là thường, ấy là trái nghịch nhau, khiến đệ tử lại thêm nghi ngờ. Sư nói: Xưa kia ta nghe Ni Vô Tận Tạng tụng qua một lần Kinh Niết Bàn, bèn vì Ni giải thuyết, chẳng có một chữ một nghiã không đúng với lời văn trong Kinh, cho đến nay vì ngươi mà thuyết, trước sau chẳng khác. Hành Xương nói: Đệ tử căn tánh ngu muội, xin Hoà Thượng khai thị tỉ mỉ. Sư nói: Ngươi biết chăng, Phật tánh nếu thường còn nói gì về các pháp thiện ác; cho đến tận kiếp cũng chẳng một người phát Bồ đề tâm, nên ta nói vô thường, ấy chính là cái đạo chơn thường do Phật thuyết vậy. Hơn nữa, tất cả các pháp nếu vô thường thì mỗi mỗi đều có tự tánh riêng biệt để lãnh thọ sanh tử, vậy thì tánh chơn thường khắp nơi lại có chỗ thiếu sót, nên ta nói thường, ấy chính là nghiã chơn vô thường của Phật. Phật vì kẻ phàm phu tà đạo chấp nơi tà thường, những người nhị thừa từ nơi thường, suy ra vô thường, cộng thành tám thứ điên đảo, nên trong Kinh Niết Bàn liễu nghiã phá những thiên kiến của họ để tỏ bày tứ đức của Niết Bàn: chơn thường, chơn lạc, chơn ngã, chơn tịnh. Ngươi nay theo lời trái nghiã, lấy đoạn diệt vô thường và chấp thường là cố định, mà hiểu lầm lời nói sau cùng viên tròn vi diệu của Phật, dẫu cho xem Kinh ngàn lần, có ích gì đâu? Hành Xương hoát nhiên đại ngộ, nói kệ rằng:

Nhân thủ vô thường tâm,

Phật thuyết hữu thường tánh.

Bất tri phương tiện giả,

Du xuân trì thập lịch.

Ngã kim bất thi công,

Phật tánh nhi hiện tiền.

Phi Sư tương thọ dữ,

Ngã diệc vô sở đắc.

Dịch nghiã:

Vì giữ tâm vô thường,

Phật nói tánh có thường.

Kẻ chẳng biết phương tiện,

Như mò sỏi tưởng vàng,

Nay ta chẳng tác ý,

Phật tánh tự hiện tiền,

Chẳng phải do thầy cho.

Ta cũng vô sở đắc. Sư nói: Ngươi nay đã triệt ngộ, nên đổi tên Trí Triệt. Trí Triệt lễ tạ lui ra.

LƯỢC GIẢI: Lời của chư Phật chư Tổ chỉ tạm dùng để phá chấp: nói thường là để phá chấp vô thường, nói vô thường là để phá chấp thường, chớ không có nghiã thật. Nên Kinh Lăng Nghiêm nói: Hễ là lời nói thì đều chẳng có nghiã thật. Phẩm tựa đã chỉ rõ Phật tánh phi thường phi vô thường, do đó mặc dù lời Tổ với lời Phật trái nghịch nhau, nhưng ý Tổ với ý Phật chẳng khác là nghiã này vậy.

Sư thấy môn đồ các tông tụ tập dưới Pháp toà, đều khởi ác ý vấn nạn. Sư thương xót cho họ nên bảo rằng: Người học đạo cần phải dứt trừ cho sạch tất cả thiện niệm ác niệm, cho đến chẳng còn chỗ để gắn tên, rồi lại gắn tên nơi tự tánh; tự tánh vốn bất nhị, gọi là thật tánh. Từ nơi thật tánh mới kiến lập tất cả giáo môn. (Như vậy, Pháp môn của các tông dù có khác, nhưng đều cùng xuất phát từ một nguồn, vốn chẳng cao thấp, người học đạo chớ nên tranh giành hơn thua mà trái nghịch với đạo). Còn Pháp đốn giáo này thì cần phải ngay đó (chẳng tác ý) tự ngộ tự thấy mới được. Đại chúng nghe xong thảy đều đảnh lễ, thờ Sư làm Thầy.

PHÁP BẢO ĐÀN KINH

Lục Tổ Huệ Năng

Dịch và Lược Giải Tỳ Kheo Thích Duy Lực

--- o0o ---

Phẩm Hộ Pháp Thứ Chín

Ngày rằm tháng giêng niên hiệu Thần Long nguyên niên, vua Trung Tôn và Võ Tắc Thiên ban chiếu rằng: Trẫm mời An Quốc Sư và Thần Tú Thiền Sư hai vị vào cung cúng dường, thừa lúc muôn việc nhàn rảnh để nghiên cứu đạo nhất thừa. Hai Sư khiêm nhượng rằng: Ở miền Nam có Huệ Năng Thiền Sư được Ngũ Tổ mật phó y pháp, truyền Phật tâm ấn, xin mời Sư đến để hỏi. Nay sai nội thị Tiết Giản lãnh chiếu đến rước thỉnh, nguyện Sư từ bi thương xót, mau đến kinh thành. Sư dâng biểu cáo bệnh khước từ và xin được trọn đời ở trong núi rừng. Tiết Giản hỏi: Các thiền đức nơi kinh thành đều nói là muốn được ngộ đạo phải ngồi thiền tập định, nếu không nhờ thiền định mà mong được giải thoát thì chưa hề có vậy. Chưa biết cách dạy bảo của sư như thế nào? Sư nói: Đạo do tâm ngộ chẳng tại tọa. Kinh nói Nếu nói Như Lai có nằm có ngồi, ấy là kẻ hành tà đạo. Tại sao vậy? Vì tự tánh chẳng có chỗ đến, cũng chẳng có chỗ đi, chẳng sanh chẳng diệt, gọi là Như Lai Thanh Tịnh Thiền. Chư pháp không-tịch là Như Lai Thanh Tịnh Tọa, cứu cánh chẳng có một pháp để chứng đắc, huống chi là ngồi! Tiết Giản nói: Đệ tử về Kinh, Hoàng Đế ắt hỏi, xin Sư từ bi chỉ thị tâm yếu, để về triều đình tâu lại hai vua và người học đạo ở kinh thành, thí như một ngọn đèn mồi cho trăm ngàn ngọn, khiến kẻ tối đều sáng, dùng sáng truyền sáng, sáng mãi chẳng hết. Sư nói: Đạo chẳng sáng tối, sáng tối là nghiã sanh diệt. Sáng mãi chẳng hết, cũng phải có lúc hết, vì sáng tối là đối đãi lập danh, nên Kinh Duy Ma Cật nói: Pháp chẳng thể so sánh, vì chẳng đối đãi vậy. Tiết Giản nói: Sáng dụ cho trí huệ, tối dụ cho phiền não, người tu đạo nếu không lấy trí huệ để chiếu phá phiền não thì cái sanh tử đã từ vô thỉ, dựa vào đâu để ra khỏi? Sư nói: Phiền não tức Bồ đề, chẳng hai chẳng khác. Nếu nói lấy trí huệ để chiếu phá phiền não, ấy là kiến giải

của kẻ nhị thừa, người đại căn thượng trí thì chẳng như vậy. Hỏi: Thế nào là kiến giải của người đại thừa? Sư nói: Sáng với chẳng sáng, phàm phu thấy có nhị, người trí liễu đạt tánh ấy bất nhị, tánh bất nhị tức là thật tánh vậy. Thật tánh ở nơi phàm ngu mà chẳng bớt, nơi thánh hiền mà chẳng thêm; trụ nơi phiền não mà chẳng loạn, ngay nơi thiền định mà chẳng tịch, chẳng đoạn chẳng thường, chẳng đi chẳng đến, chẳng phải ở giữa, cũng chẳng bên trong bên ngoài, chẳng sanh chẳng diệt, tánh tướng như như, thường trụ chẳng biến đổi, ấy gọi là đạo. Hỏi: Sư nói chẳng sanh chẳng diệt, vậy đâu khác với ngoại đạo! Đáp: Ngoại đạo nói chẳng sanh chẳng diệt, là dùng diệt để dẹp sanh, dùng sanh để tỏ diệt, sanh nơi chẳng sanh, diệt nơi chẳng diệt. Ta thuyết chẳng sanh chẳng diệt là: tự vốn chẳng sanh, nay cũng chẳng diệt, cho nên khác với ngoại đạo. Nếu ngươi muốn biết tâm yếu, nên đối với các pháp thiện ác đều chớ suy lường, tự nhiên được tâm thể thanh tịnh, trạm nhiên thường tịch, diệu dụng hằng sa. Tiết Giản được chỉ dạy, hoát nhiên đại ngộ, lễ bái từ giã về kinh, dâng biểu tâu thuật lại lời nói của Sư. Ngày 3 tháng 9 năm ấy, vua ban chiếu khen ngợi rằng: Thiền Sư cáo bệnh khước từ, đã vì Trẫm tu hành, làm phước điền cho chúng sanh. Sư như Ngài Duy Ma Cật, cáo bệnh ở thành Tỳ Da để xiển dương đại thừa, truyền Phật tâm ấn, thuyết pháp bất nhị. Tiết Giản truyền đạt lại tri kiến Như Lai của Sư chỉ dạy, cũng là do Trẫm tích tụ phước đức, kiếp trước đã gieo trồng thiện căn, nên được gặp Sư xuất hiện cùng đời, đốn ngộ pháp tối thượng thừa, cảm đội ơn Sư chẳng thể nào quên. Nay dâng chiếc Cà sa và bình bát thủy tinh, sai quan thứ sử Thiều Châu tu sửa lại chùa chiền, sắc phong cho nơi ở cũ của Sư (ở Tân Châu) là Quốc Ân Tự.

PHÁP BẢO ĐÀN KINH

Lục Tổ Huệ Năng

Dịch và Lược Giải Tỳ Kheo Thích Duy Lực

--- o0o ---

Phẩm Phó Chúc Thứ Mười

Một hôm Sư gọi các đệ tử như Pháp Hải, Chí Thành, Pháp Đạt, Thần Hội, Trí Thường, Trí Thông, Chí Triệt, Chí Đạo, Pháp Trân, Pháp Như nói: Các ngươi chẳng như người khác, sau khi ta viên tịch, mỗi người làm Thầy một nơi. Nay ta dạy các ngươi cách thuyết pháp chẳng đánh mất bản tông. Trước tiên phải y theo pháp môn TAM KHOA, dùng ba mươi sáu pháp đối, ra vào (khai thị bằng lời nói hay cử chỉ) thường lià nhị biên, thuyết tất cả pháp chẳng lià tự tánh. Thí như có người hỏi pháp, ý nghiã lời nói song song, đến và đi làm nhân với nhau, đều dùng pháp đối. Nếu không có đối đãi thì ba pháp nhị biên và trung đạo đều dứt, chẳng còn chỗ để nương tựa. Pháp môn Tam Khoa là gì? Là ẤM, NHẬP, GIỚI: ẤM là ngũ ấm; gồm sắc, thọ, tưởng, hành, thức. NHẬP có mười hai: bên ngoài lục trần, gồm sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, bên trong lục căn, gồm nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. GIỚI có mười tám: gồm lục căn, lục trần, lục thức. Tự tánh bao hàm vạn pháp, gọi là Hàm Tạng Thức. Nếu khởi niệm suy lường tức là chuyển thức, khiến sanh lục thức, ra cửa lục căn, tiếp xúc lục trần. Như vậy mười tám giới đều từ tự tánh khởi dụng, tự tánh nếu tà thì khởi mười tám tà, tự tánh nếu chánh thì khởi mười tám chánh, niệm ác dụng tức chúng sanh dụng, niệm thiện dụng tức Phật dụng. Dụng bằng cách nào? Là do tự tánh lập ra pháp đối: Ngoại cảnh vô tình có năm đối: Trời đối đất, nhựt đối nguyệt, sáng đối tối, âm đối dương, thủy đối hỏa, ấy là năm đối. Pháp tướng ngôn ngữ có mười hai đối: ngữ đối pháp, hữu đối vô, hữu sắc đối vô sắc, hữu tướng đối vô tướng, hữu lậu đối vô lậu, sắc đối không, động đối tịnh, thanh đối trược, phàm đối thánh, tăng đối tục, già đối trẻ, lớn đối nhỏ, ấy là mười hai đối. Tự tánh khởi mười chín đối: dài đối ngắn, tà đối chánh, si đối huệ, ngu đối trí, loạn đối định, từ đối độc, giới đối

quấy, trực đối khúc, thật đối hư, chông gai đối bằng phẳng, phiền não đối bồ đề, thường đối vô thường, bi đối hại, hỷ đối sân, bố thí đối bỏn xẻn, tiến đối lui, sanh đối diệt, pháp thân đối sắc thân, hoá thân đối báo thân, ấy là mười chín đối vậy.ế Sư bảo: ẹBa mươi sáu pháp đối này nếu biết dùng thì thấu đạo và tất cả Kinh Pháp, ra vào thường lià nhị biên. Dụng của tự tánh chẳng cần tác ý, nói năng với người, ngoài thì ở nơi tướng lià tướng, trong thì nơi không lià không. Nếu trọn chấp tướng thì sanh trưởng tà kiến, nếu trọn chấp không thì sanh trưởng vô minh. Kẻ chấp không hay phỉ báng Kinh Phật, cho là chẳng cần văn tự, đã nói chẳng cần văn tự thì con người cũng không nên có lời nói, cái lời nói tức là tướng văn tự. Lại nói Đạo ngay thẳng chẳng lập văn tự, thật ra hai chữ chẳng lập cũng là văn tự vậy! Vừa nghe người thuyết pháp, liền phỉ báng cho là dính mắc văn tự, các ngươi phải biết, tự mê còn đỡ, lại phỉ báng Kinh Phật. Chớ nên phỉ báng Kinh, để tạo nhiều tội chướng. Nếu chấp tướng bên ngoài mà vọng lập phương pháp để cầu chơn, hoặc rộng lập đạo tràng, nói các lỗi lầm của CÓ và KHÔNG, những người như vậy nhiều kiếp chẳng thể kiến tánh. Các ngươi phải dạy người theo pháp tu hành, chớ nên trăm điều chẳng nghĩ, làm cho đạo tánh bị ngăn ngại. Nếu thuyết pháp dạy người, chớ nên nói ẹtự tánh vốn chẳng cần tu chứng, nói như vậy e rằng kẻ mê chẳng hiểu, lại sanh tà kiến. Chỉ nên dạy người theo pháp tu hành, hành pháp thí mà chẳng trụ nơi pháp tướng. Các ngươi nếu ngộ thì thuyết như vậy, dụng như vậy, hành như vậy, tác như vậy tức không đánh mất bản tông. Nếu có người đến hỏi nghiã, hỏi có thì đáp không, hỏi không thì đáp có, hỏi thánh đáp phàm, hỏi phàm đáp thánh, nhị biên làm nhân với nhau, sanh nghiã trung đạo. Hỏi nào đáp nấy, tất cả các câu hỏi khác đều đáp như thế thì chẳng mất cái chánh lý vậy. Như có người hỏi thế nào là tối? thì đáp sáng, hỏi thế nào là sáng? thì đáp tối. Vì sáng mất thì tối, tối mất thì sáng, dùng sáng để tỏ sự tối, dùng tối để tỏ sự sáng, trở đi trở lại làm nhân với nhau thành nghiã trung đạo, tất cả câu hỏi đều phải như thế. Về sau các ngươi truyền pháp, phải y theo đây mà dạy bảo, chớ đánh mất tông chỉ.

Vào tháng bảy năm Nhâm Tý, niên hiệu Thái Cực Diên Hoà (712), Sư sai môn đồ đến Quốc Ân Tự nơi Tân Châu để xây tháp, đốc thợ làm gấp, đến mùa hè năm sau khánh

thành. Ngày mùng một tháng bảy, Sư tựu tập đồ chúng bảo: Đến tháng tám ta sẽ rời thế gian, các ngươi có nghi cứ hỏi sớm đi, ta sẽ phá nghi, khiến các ngươi hết mê hoặc, nếu ta đi rồi thì chẳng ai dạy bảo. Các môn đồ nghe nói thảy đều rơi lệ, chỉ có Thần Hội bình tĩnh chẳng động, cũng chẳng rơi lệ. Sư nói: Chỉ có tiểu sư Thần Hội được sự thiện bất thiện đồng nhau, khen chê chẳng động, vui buồn chẳng sanh, ngoài ra các ngươi đều chẳng được, bấy lâu nay ở trên núi lại tu đạo gì? Nay các ngươi rơi lệ là lo buồn cho ai? Nếu nói lo cho ta chẳng biết sẽ đi về đâu, ta tự biết chỗ đi, nếu ta chẳng biết chỗ đi thì làm sao dự báo trước cho các ngươi? Các ngươi rơi lệ vì chẳng biết chỗ ta đi, nếu biết chỗ ta đi thì chẳng nên rơi lệ. Pháp tánh vốn chẳng sanh diệt tới lui. Các ngươi hãy ngồi, ta nói với các ngươi một bài kệ, gọi là CHƠN GIẢ ĐỘNG TỊNH KỆ, các ngươi giữ lấy kệ này, theo đó tu hành, chẳng đánh mất tông chỉ, thì cùng ta đồng một ý chí. Đại chúng đảnh lễ, xin Sư làm kệ, kệ rằng:

Nhất thiết vô hữu chơn,

Bất dĩ kiến ư chơn.

Nhược kiến ư chơn giả,

Thị kiến tận phi chơn.

Nhược năng tự hữu chơn,

Ly giả tức tâm chơn.

Tự tâm bất ly giả,

Vô chơn hà xứ chơn.

Hữu tình tức giải động,

Vô tình tức bất động,

Nhược tu bất động hạnh.

Đồng vô tình bất động,

Nhược mích chơn bất động,

Động thượng hữu bất động.

Bất động thị bất động,

Vô tình vô Phật chủng.

Năng thiện phân biệt tướng,

Đệ nhất nghiã bất động.

Đản tác như thử kiến,

Tức thị chơn như dụng.

Báo chư học đạo nhơn,

Nỗ lực tu dụng ý,

Mạc ư đại thừa môn,

Khước chấp sanh tử trí.

Nhược ngôn hạ tương ứng,

Tức cộng luận Phật nghiã.

Nhược thật bất tương ứng.

Hiệp chưởng linh hoan hỷ.

Thử tông bổn vô tranh,

Tranh tức thất đạo ý.

Chấp nghịch tranh pháp môn,

Tự tánh nhập sanh tử.

Dịch nghiã:

Tất cả chẳng có chơn,

Chớ nên cho là chơn.

Nếu người thấy có chơn,

Sự thấy đều chẳng chơn.

Nếu được tự có chơn,

Lià giả, tâm tức chơn.

Tự tâm chẳng lià giả, (1)

Làm sao có chỗ chơn?

Hữu tình tất phải động,

Vô tình thì bất động.

Nếu tu hạnh bất động,

Đâu khác loài vô tình!

Muốn tìm chơn bất động,

Nơi động là bất động,

Bất động (vô tình) đã bất động,

Vô tình vô Phật chủng.

Nếu người khéo phân biệt,

Đệ nhất nghiã bất động.

Cái thấy được như vậy,

Tức là chơn như dụng.

Báo cho người học đạo,

Siêng tu phải chú ý.

Chớ nên nơi đại thừa,

Lại chấp trí sanh tử.

Vừa nghe liền tương ưng,

Cùng nhau luận nghiã Phật.

Nếu người chẳng tương ưng,

Chắp tay khiến hoan hỷ.

Tông này vốn vô tranh,

Tranh thì mất ý đạo.

Kẻ trái nghịch pháp môn,

Tự tánh vào sanh tư.

GHI CHÚ:

(1) đúng với sai, chân với giả..đều là giả. Kẻ trái nghịch pháp môn, Tự tánh vào sanh tử.

Đồ chúng nghe xong thảy đều đảnh lễ, lãnh hội theo ý của Sư, mọi người tự nhiếp tâm y pháp tu hành, chẳng dám tranh luận nữa. Đã biết Sư trụ thế chẳng bao lâu, Thượng Tọa Pháp Hải lễ bái hỏi: Sau khi Hoà Thượng viên tịch, y pháp nên trao phó cho ai? Sư nói: Tất cả khai thị kể từ khi ta thuyết pháp ở chùa Đại Phạn đến nay, ghi chép lại để lưu truyền cho đời sau, tựa là PHÁP BẢO ĐÀN KINH, các ngươi phải hộ trì trao truyền cho nhau để hoá độ chúng sanh, y theo Kinh này gọi là Chánh Pháp. Nay chỉ vì các ngươi truyền pháp mà chẳng truyền y bát, vì các ngươi tín căn đã thuần thục, quyết định chẳng nghi, đều có khả năng đảm nhiệm việc lớn của chư Phật chư Tổ truyền lại. Vả lại theo ý bài kệ truyền thọ của Tổ Đạt Ma thì y cũng chẳng nên truyền. Kệ rằng:

Ngô bổn lai tư độ,

Truyền pháp cứu mê tình.

Nhứt hoa khai ngũ diệp,

Kết quả tự nhiên thành.

Dịch nghiã:

Ta đến đất nước này,

Truyền pháp cứu người mê.

Một bông nở năm cánh,

Kết quả tự nhiên thành.

Sư lại nói: Các ngươi nếu muốn thành tựu nhất thiết chủng trí, phải thấu ngộ nhất tướng tam muội và nhất hạnh tam muội. Ở tất cả nơi mà chẳng trụ tướng, nơi mọi tướng chẳng sanh yêu ghét, cũng chẳng lấy bỏ, chẳng nghĩ việc lợi ích thành bại, trong tâm trống rỗng dung hoà, an nhàn đạm bạc, đây gọi là nhất tướng tam muội. Ở tất cả nơi đi đứng nằm ngồi, duy nhất hành theo trực tâm, nơi nào cũng là bất động đạo tràng, như vậy mới thành chơn tịnh độ, đây gọi là nhất hạnh tam muội. Nếu người đủ hai thứ tam muội này, như gieo giống dưới đất, luôn luôn tưới nước và bón phân, cuối cùng sẽ được quả chín. Nhất tướng nhất hạnh cũng như vậy. Nay ta thuyết pháp dụ như mưa lớn, thấm nhuần đại địa, Phật tánh của các ngươi giống như hạt giống, gặp mưa thấm nhuần liền được sanh trưởng. Nối theo tông chỉ của ta quyết thành Bồ đề, hành theo pháp ta ắt chứng diệu quả, hãy nghe kệ đây:

Tâm địa hàm chư chủng,

Phổ vũ tất giai manh.

Đốn ngộ hoa tình dĩ,

Bồ đề quả tự thành.

Dịch nghiã:

Tâm địa chứa nhiều giống,

Gặp mưa đều nẩy mầm.

Đốn ngộ tự tâm rồi,

Quả Bồ đề tự thành.

Sư thuyết kệ xong nói: Pháp chẳng có hai, tự tâm cũng vậy, đạo vốn thanh tịnh (trong sạch), cũng chẳng các tướng. Các ngươi cẩn thận, chớ nên quán tịnh và chấp không nơi tâm, tự tâm vốn thanh tịnh, chẳng thể lấy bỏ. Mọi người cứ tùy duyên mà đi, hãy cố gắng tu hành! Đồ chúng nghe xong đảnh lễ lui ra.

Ngày mùng 8 tháng 7, Sư bỗng gọi môn đồ: Ta muốn về Tân Châu, hãy mau lo ghe thuyền. Đại chúng đều năn nỉ ở lại, Sư nói: Chư Phật ra đời còn phải thị hiện Niết Bàn, có đến thì có đi, lý thường như vậy, thể xác của ta tất phải có chỗ về. Chúng nói: Sư từ nay đi, chừng nào trở về? Sư nói: Lá rụng về cội, trở về chẳng nói. Lại hỏi: Chánh Pháp Nhãn Tạng truyền phó cho ai? Sư nói: Người có đạo thì được, người vô tâm thì thông. Lại hỏi: Chưa biết xưa nay chư Phật chư Tổ ứng hiện, truyền thọ được bao nhiêu đời? Xin Sư cho biết. Sư nói: Cổ Phật ứng thế đã vô số lượng, chẳng thể tính được, nay từ thất Phật bắt đầu: Quá khứ Trang Nghiêm Kiếp: Tỳ Ba Thi Phật, Thi Khí Phật, Tỳ Xá Phù Phật. Hiện tại Hiền Kiếp: Câu Lưu Tôn Phật, Câu Na Hàm Mâu Ni Phật, Ca Diếp Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật, ấy là thất Phật. Thích Ca Văn Phật đầu ti&eci

Tâm ta tự có Phật,

Tự Phật là chơn Phật.

Nếu tự chẳng Phật tâm,

Nơi nào tìm chơn Phật?

Các ngươi tự tâm là Phật, chớ hồ nghi nữa. Vạn pháp đều từ tự tâm sanh khởi, chẳng phải vật bên ngoài có thể kiến lập. Nên Kinh nói: Tâm sanh thì mọi pháp sanh, tâm diệt thì mọi pháp diệt." Nay ta để lại bài kệ để làm lời từ biệt, gọi là: TỰ TÁNH CHƠN PHẬT KỆ, người đời sau nhận được ý của kệ này, tự thấy bản tâm, tự thành Phật đạo. Kệ rằng:

Chơn như tự tánh thị chơn Phật,

Tà kiến tam độc thị ma vương.

Tà mê chi thời ma tại xá,

Chánh kiến chi thời Phật tại đường.

Tánh trung tà kiến tam độc sanh,

Tức thị ma vương lai trụ xá.

Chánh kiến tự trừ tam độc tâm,

Ma biến thành Phật chơn vô giả.

Pháp thân báo thân cập hoá thân,

Tam thân bổn lai thị nhất thân.

Nhược hướng tánh trung năng tự kiến,

Tức thị thành Phật Bồ đề nhân.

Bổn tùng hoá thân sanh tịnh tánh,

Tịnh tánh thường tại hoá thân trung.

Tánh sử hoá thân hành chánh đạo,

Đương lai viên mãn chơn vô cùng.

Dâm tánh bổn thị tịnh tánh nhân,

Trừ dâm tức thị tịnh tánh thân.

Tánh trung các tự ly ngũ dục,

Kiến tánh sát na tứ thị chơn.

Kim sanh nhược ngộ đốn giáo môn,

Hốt ngộ tự tánh kiến Thế Tôn.

Nhược dục tu hành mích tác Phật,

Bất tri hà xứ nghĩ cầu chơn.

Nhược năng tâm trung tự kiến chơn,

Hữu chơn tức thị thành Phật nhân.

Bất kiến tự tánh ngoại mích Phật,

Khởi tâm tổng thị đại si nhơn.

Đốn giáo pháp môn kim dĩ lưu,

Cứu độ thế nhơn tu tự tu.

Báo nhữ đương lai học đạo giả,

Bất tác thử kiến đại du du.

Dịch nghiã:

Chơn như tự tánh là chơn Phật,

Tà kiến tam độc là ma vương.

Lúc tà mê khởi ma tại nhà,

Khi có chánh kiến Phật tại điện,

Tâm nổi tà kiến tam độc sanh,

Tức là ma vương đến nhà ở.

Chánh kiến khởi lên tam độc trừ,

Ma trở thành Phật thật chẳng giả.

Pháp thân báo thân và hoá thân,

Tam thân vốn chỉ là nhất thân.

Nếu được tự thấy nơi tự tánh,

Gieo nhân Bồ Đề tức thành Phật.

Vốn từ hoá thân sanh tịnh tánh,

Tịnh tánh thường trụ nơi hoá thân.

Tánh khiến hoá thân hành chánh đạo,

Tương lai viên mãn vô cùng tận.

Dâm tánh vốn là nhân tịnh tánh,

Trừ dâm tức là tịnh tánh thân.

Nơi tánh thường tự lià ngũ dục,

Sát na kiến tánh tức là chơn.

Đời nay nếu gặp pháp đốn giáo,

Hoát ngộ tự tánh gặp Thế Tôn.

Người nếu tu hành cầu làm Phật,

Chẳng biết nơi nào để cầu chơn.

Nếu ngay nơi tâm tự thấy chơn,

Có chơn tức là nhân thành Phật.

Chẳng thấy tự tánh, ngoài tìm Phật,

Khởi tâm tìm Phật là si mê.

Pháp môn đốn giáo nay đã truyền,

Cứu độ chúng sanh phải tự tu.

Báo cho tương lai người học đạo,

Chẳng theo chánh kiến mãi mãi chìm.

Sư thuyết kệ xong, bảo: Các ngươi phải tự hộ trì, sau khi ta viên tịch, chớ nên theo tình chấp thế gian rơi lệ buồn sầu, nhận phúng điếu và để tang, làm như vậy chẳng phải

đệ tử của ta, cũng chẳng phải Chánh Pháp. Chỉ nên nhận tự bản tâm, thấy tự bản tánh, chẳng động chẳng tịnh, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng lui chẳng tới, chẳng thị chẳng phi, chẳng trụ chẳng đi. Vì sợ các ngươi tâm mê, chẳng hiểu ý ta, nay nhắc lại lần nữa, khiến các ngươi tự thấy tánh. Sau khi ta viên tịch, theo đây tu hành, cũng như ta còn tại thế, nếu trái với lời dạy của ta, dẫu cho ta còn tại thế, cũng đâu có ích lợi gì! Lại thuyết kệ rằng:

Ngột ngột bất tu thiện,

Đằng đằng bất tạo ác.

Tịch tịch đoạn kiến văn,

Đãng đãng tâm vô trước.

Dịch nghiã:

Ngây ngây chẳng tu thiện,

Bừng bừng chẳng tạo ác.

Tịch tịch dứt thấy nghe,

Luôn luôn chẳng dính mắc.

Sư thuyết kệ xong, ngồi ngay cho đến canh ba, thoạt gọi môn đồ: Ta đi nhé!, liền ngồi yên viên tịch. Ngay lúc ấy có mùi hương lạ thơm khắp núi, mống trắng mọc vòng cầu chấm đất, rừng cây biến thành màu trắng, cầm thú kêu vang thảm thiết. Đến tháng Mười một, các quan chức và Tăng tục ba quận Quảng Châu, Thiều Châu, Tân Châu tranh nhau giành rước nhục thân của Sư, chẳng quyết định được về đâu, bèn cùng nhau đốt hương nguyện rằng: Khói hương bay về đâu thì nhục thân của Sư về đó. Lúc ấy khói hương bay thẳng về hướng Tào Khê. Ngày 13 tháng 11, dời khám thờ nhục thân và y bát của Sư về Tào Khê. Ngày 25 tháng 7 năm sau mở khám để nhập tháp. Quan sở tại Thiều Châu dâng biểu tâu lên triều đình, vua sắc chỉ lập bia ghi đạo hạnh của Sư: Tổ Sư 76 tuổi, năm 24 tuổi được truyền y pháp, 39 tuổi xuống tóc, thuyết pháp lợi sanh 37 năm,

người đắc tông chỉ nối pháp được 43 vị, người nghe pháp ngộ đạo siêu phàm thì chẳng biết số lượng. Tín y truyền từ Tổ Đạt Ma, với cái y bát của vua Trung Tôn ban cho, cái chơn tượng do Phương Biện đắp, và toạ cụ của Sư, thảy đều giao cho thị giả giữ tháp, đời đời thờ nơi BỬU LÂM ĐẠO TRÀNG. Lưu truyền PHÁP BẢO ĐÀN KINH để hiển bày tông chỉ, hưng thạnh Tam Bảo, phổ biến lợi ích cho chúng sanh.

---o0o---

Nguồn **Trang nhà Hoa khai kiến Phật**

Định dạng ebook: **namo84000**

Mọi sai sót xin được sám hối

Mọi công đức xin hồi hướng Pháp Giới Chúng Sinh